

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

Tên viết tắt: TPS

Địa chỉ trụ sở chính: 720, Quốc lộ 1A, khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

Điện thoại: 028 37161333

Fax: 028 37160891

Website: stp@benbaivantaisaigon.com.vn

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Bến bãi Vạn tài Sài Gòn, mã chứng khoán: TPS xin công bố với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về:

- Báo cáo thường niên năm 2020.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/3/2021 tại đường dẫn <http://benbaivantaisaigon.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố./.

TPHCM, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Đại diện doanh nghiệp

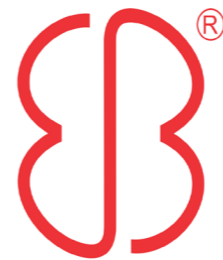
(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Hiếu



Phục vụ để phát triển - Phát triển để phục vụ
ISO 9001:2015



Phục vụ để phát triển - Phát triển để phục vụ
ISO 9001:2015



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Trụ sở chính: Số 720 QL1A, Khu phố 3B,
Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Tp. HCM
Website: <http://www.benbaivantaisaigon.com.vn>
Điện Thoại: (84-8) 08.37.161.333
Email: stp@benbaivantaisaigon.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Phục vụ để phát triển - Phát triển để phục vụ

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	7
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
Thông tin về mô hình quản trị	11
Định hướng phát triển	12
Các rủi ro	13

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	19
Tổ chức nhân sự	20
Tình hình đầu tư thực hiện dự án	25
Tình hình tài chính	26
Tình hình cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu	31
Trách nhiệm với môi trường cộng đồng	31

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	35
Tình hình tài chính	39
Những cải tiến trong năm về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	41
Kế hoạch phát triển trong tương lai	45
Báo cáo đánh giá trách nhiệm môi trường và xã hội	46

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	49
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	53
Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban điều hành	54
Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	54

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	57
Các nghị quyết / quyết định trong năm	58
Ban Kiểm soát	62
Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát	65
Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác	66

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

Báo cáo tài chính đã kiểm toán	68
--------------------------------	----

BẾN XE AN SƯƠNG

CTCP BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị
Định hướng phát triển
Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

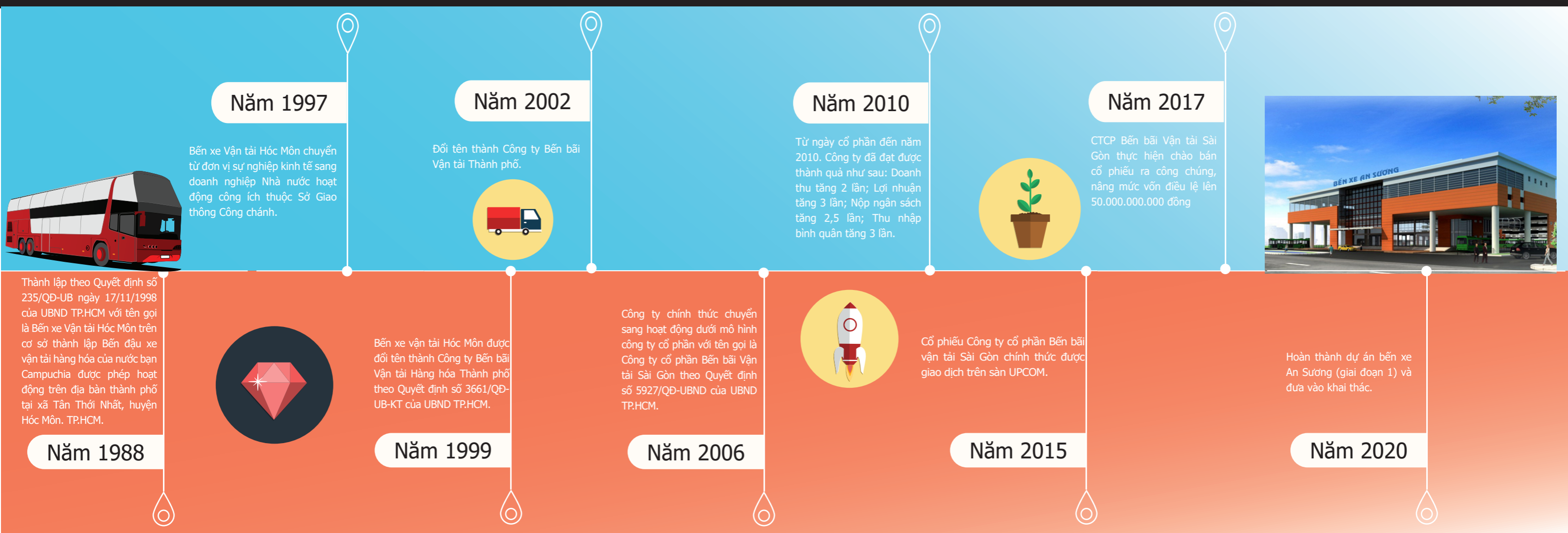
Tên giao dịch Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301114089 thay đổi lần thứ 10 vào 18/03/2019
Vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng
Địa chỉ 720 QL1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM
Số điện thoại 028.37161587
Số fax 028. 3716 0891
Website www.benbaivantaisaigon.com.vn
Mã cổ phiếu TPS

TẦM NHÌN

Với châm ngôn:

“Phục vụ để phát triển - Phát triển để phục vụ”

Công ty luôn phấn đấu để phát triển và hoàn thiện nhằm mang lại cho khách hàng dịch vụ tốt nhất



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Chính quyền

UBND Thành phố tặng cờ thi đua xuất sắc năm 2012, 2013.

Bộ GTVT tặng cờ thi đua xuất sắc năm 2013, 2014.

Từ 2010 - 2014 được UBND Thành phố tặng Bằng khen về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm 2015 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền.

Từ 2010 - 2016 được UBND Thành phố Công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc".

UBND Thành phố công nhận danh hiệu "Tập thể An toàn về An ninh trật tự" 4 năm liền (Kể từ năm 2015).

Bến xe An sương được công nhận là bến xe văn hóa trong 9 năm liền và Bến xe Ngã Tư Ga được công nhận là Bến xe An toàn - Văn minh trong 9 năm liền (Kể từ năm 2011).

Đảng đoàn thể

Đảng, đoàn thể: trong sạch, vững mạnh. Riêng năm 2014 Đảng bộ Công ty được Đảng ủy Tổng Công ty công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu.

Công đoàn: nhiều năm liền đạt Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc.

Đoàn Thanh niên Công ty đạt danh hiệu cơ sở đoàn xuất sắc, được Thành đoàn tặng cờ thi đua xuất sắc và Trung ương đoàn tặng Bằng khen.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe;

Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua các bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến;

Tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo hợp đồng kinh tế;

Tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;

Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng hợp đồng kinh tế;

Kinh doanh kho chứa hàng hóa;

Môi giới vận chuyển hàng hóa, giáo dục dạy nghề.

Địa bàn kinh doanh

Công ty có 2 bến xe trực thuộc hoạt động chính trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh:

Bến xe An Sương

Địa chỉ: Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP.HCM.

Điện thoại: 028 3883 2516

Fax: 028 3883 0411

Email: bxansuong@benbaivantaisaigon.com.vn

Bến xe Ngã tư Ga

Địa chỉ: 720, Quốc Lộ 1A, Khu phố 3B, P.Thạnh Lộc, Quận 12, TPHCM.

Điện thoại: 028. 37161 333 (111)

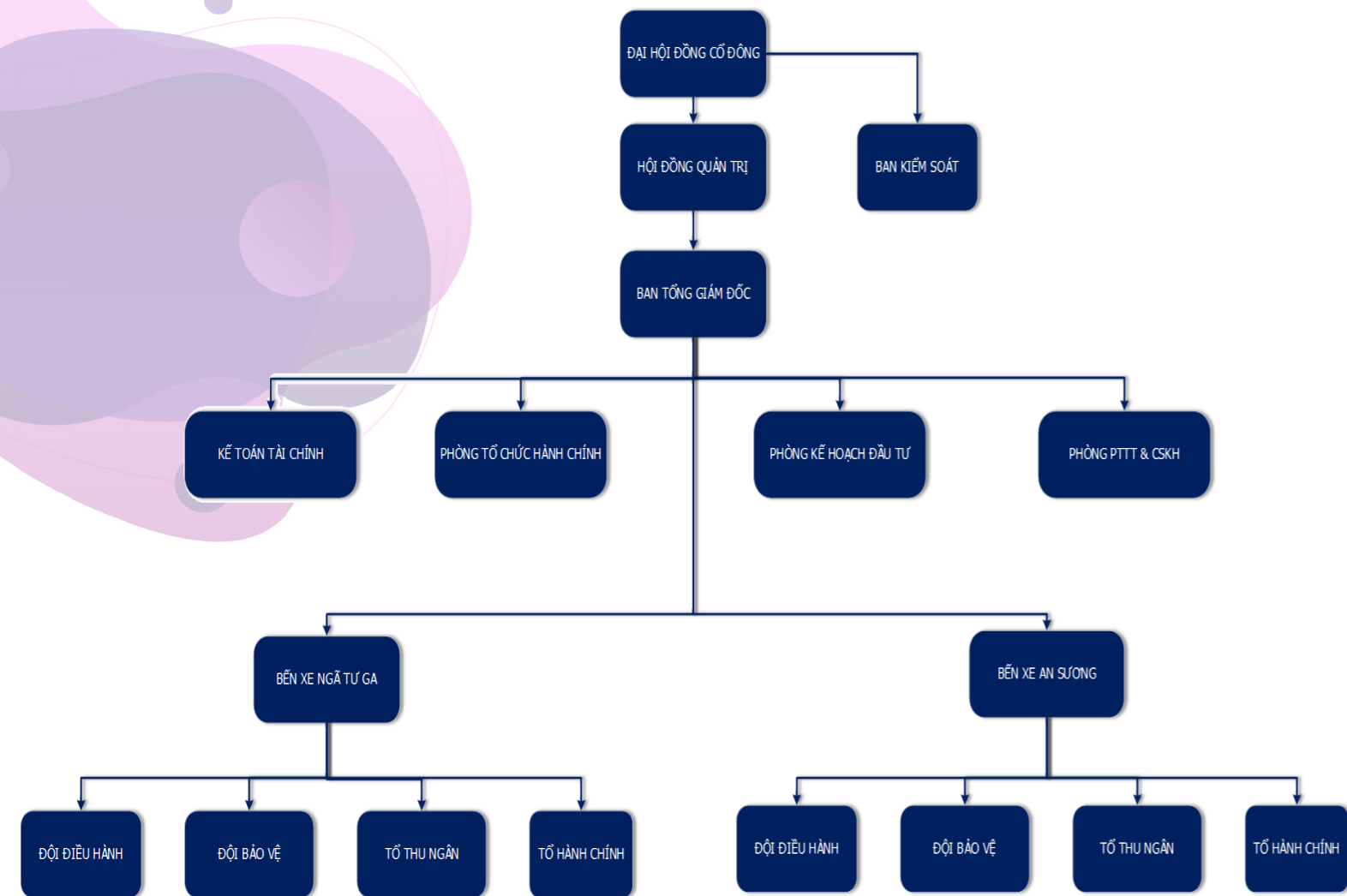
028. 37161 587

Fax: 028. 37161 587

Email: bxngatuga@benbaivantaisaigon.com.vn



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Công ty Mẹ Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV.

Vốn điều lệ: 1.796.569.000.000 đồng.
 Địa chỉ: 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
 Điện thoại: 028 3920 0408.
 Fax: 028 3920 1876.

Giấy chứng nhận ĐKDN: số 0300481551 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 31/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 24/11/2015.

Ngành nghề kinh doanh: Tổng Công ty là doanh nghiệp nhà nước kinh doanh đa ngành bao gồm sản xuất công nghiệp, thương mại - Dịch vụ, vận tải hành khách, vận tải hàng hóa và Xây dựng giao thông,...

Hiện nay, Tổng Công ty nắm giữ 2.550.000 cổ phần của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tương đương với tỷ lệ nắm giữ là 51% vốn điều lệ

Công ty con, công ty liên kết: Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

“Trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh bến bãi khu vực phía Nam.”



Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Phát triển 2 Bến xe hiện hữu thành các bến xe đa chức năng, bên cạnh cung ứng các dịch vụ truyền thống về bến bãi, tổ chức lưu đậu phương tiện, trung chuyển hàng hóa, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện,... Công ty phát triển thêm các dịch vụ hỗ trợ, trung tâm thương mại, mua sắm, vui chơi giải trí, khách sạn, nhà nghỉ,... Tiếp tục mở rộng thị phần, nâng cao vị thế của Công ty, trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh bến bãi khu vực phía Nam.

Chiến lược ngắn hạn

Hoàn thành giai đoạn 1 Dự án Đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương đưa vào khai thác sử dụng trong thời gian sớm nhất, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trong thời gian chuẩn bị các thủ tục đầu tư mở rộng Bến xe An Sương lên 4,8 ha.

Chiến lược dài hạn

Công ty không ngừng nâng cao năng lực phục vụ. Ban Lãnh đạo Công ty luôn xác định con người là yếu tố tiên quyết để phát triển của một Công ty. Vì vậy, cùng với việc đầu tư vào cơ sở vật chất, Công ty quan tâm đến việc đào tạo nguồn nhân lực để mang đến sự phục vụ khách hàng văn minh, lịch sự, chuyên nghiệp nhất.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp 02 bến xe hiện hữu đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 1 nhằm nâng cao năng lực phục vụ và chất lượng dịch vụ.

Đầu tư mở rộng Bến xe An Sương, nâng cấp Bến xe Ngã tư Ga, đầu tư xây dựng mới Bến xe Sông Tắc trên trục đường cao tốc Sài Gòn - Long Thành - Dầu Giây, đón đầu chủ trương di dời các bến xe liên tỉnh ra khỏi nội thành.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

Tăng cường hợp tác với các đơn vị mạnh, có năng lực, uy tín để khai thác cung ứng các dịch vụ tại bến xe.

Tâm nhìn chiến lược

Khai thác triệt để cơ sở vật chất hiện có, duy trì và tìm kiếm khách hàng tiềm năng, mở rộng các loại hình dịch vụ để tăng nguồn thu, nhất là các dịch vụ môi giới hàng hoá, kho hàng, nhà trọ,...

Cải tiến thủ tục hành chính, ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng phục vụ, xây dựng các chuẩn mực về chất lượng doanh nghiệp như ISO 9001-2008, văn hoá Doanh nghiệp, Bến xe văn hoá,...

Kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo, tuyển dụng theo đúng tiêu chuẩn của mỗi chức danh, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Dịch bệnh Covid-19 đã tác động nghiêm trọng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới, theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 của thế giới -4,4%. Tuy nhiên, Việt Nam là một trong số ít các quốc gia trên thế giới và là quốc gia duy nhất trong khu vực ASEAN đạt tăng trưởng dương. Theo số liệu của Tổng cục thống kê năm 2020, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng trưởng 2,91% so với năm 2019 và tính chung năm 2020, vận tải hành khách đạt 3.561,9 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 29,6% so với năm trước (năm 2019 tăng 11%), luân chuyển 163 tỷ lượt khách.km, giảm 34,1% (năm 2019 tăng 10,9%); Trong năm 2020, vận tải hàng hóa đạt 1.774,6 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 5,2% so với năm trước (năm 2019 tăng 9,7%) và luân chuyển 339,4 tỷ tấn.km, giảm 6,7% (năm 2019 tăng 7,8%).

Đây rõ ràng là những tín hiệu tiêu cực đối với một doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc ít nhiều vào các ngành khác như sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, sự phát triển giao dịch hàng hóa, thương mại, du lịch, nhu cầu đi lại của người dân. Do đó, mức độ tăng trưởng kinh tế là công cụ dự báo đặc lực cho việc hoạch định các chính sách trung và dài hạn. Tuy nhiên, năm 2020, kinh tế thế giới nói chung chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 đã kéo tụt tăng trưởng của nhiều

ngành. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Dịch bệnh Covid-19 bùng phát tại Việt Nam vào tháng ba và tháng bảy năm nay dẫn đến việc chính phủ phải thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội đã tác động lớn đến ngành vận tải, giảm nhu cầu đi lại của người dân. Hiện tại, dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát tốt tại Việt Nam. Tuy nhiên, với những diễn biến dịch bệnh còn rất phức tạp trên thế giới với các ca nhiễm tăng mạnh. Doanh nghiệp vẫn sẽ theo dõi sát sao diễn biến của dịch bệnh để có những chiến lược kinh doanh thích ứng.

Rủi ro lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế. Lạm phát cơ bản bình quân và CPI bình quân trong năm 2020 lần lượt tăng 2,31% và 3,23% so với bình quân năm 2019.

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua giá cước vận tải của hãng xe tăng, khiến người dân có nhu cầu đi lại ít hơn hoặc lựa chọn các phương tiện tiết kiệm hơn. Từ đó, các khách hàng của TPS sẽ gặp khó khăn về lợi nhuận, doanh thu bị thiếu hụt, trong khi đó chi phí thuê bến bãi vẫn tiếp tục phát sinh và có khả

năng đem lại nợ xấu cho TPS. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hiệu quả hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả, liên kết với các hãng xe trong bến bãi để cập nhật những thông tin mới nhất về nền kinh tế. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo, duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng.



Rủi ro pháp luật

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, vì vậy hoạt động kinh doanh của TPS luôn chịu sự ảnh hưởng đồng thời bởi nhiều bộ Luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Giao thông đường bộ, Luật Chứng khoán,... và các văn bản dưới Luật, do đó những thay đổi trong chính sách quản lý của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

Vào tháng 11/2019, Quốc hội đã thông qua Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2019, có hiệu lực vào ngày 01/01/2021 với các nội dung đáng chú ý như: sửa đổi liên quan đến hợp đồng lao động, quy định mới về thử việc, bãi bỏ và bổ sung các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động, tăng tuổi nghỉ hưu, thành lập tổ chức công đoàn độc lập. Ngoài ra cũng trong năm 2019, Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Chứng khoán mới có hiệu lực vào 01/01/2021 với nhiều nội dung quan trọng được đổi mới như: quy định về công bố thông tin, việc quản trị Công ty đại chúng, Luật Doanh nghiệp 2020 chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 với những quy định mới như: quy định về cơ cấu quản lý công ty cổ phần, tổ chức quản trị công ty cổ phần.



Hiện nay, Luật Giao thông Đường bộ còn chậm bổ sung, sửa đổi làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc quy hoạch chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 chưa phù hợp với nhu cầu đi lại của người dân nên khi có nhu cầu, doanh nghiệp vận tải đăng ký khai thác tuyến không được và phải chờ bổ sung vào quy hoạch.

Để hạn chế những rủi ro liên quan đến yếu tố pháp lý trong quản trị hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình, đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty để đảm bảo quá trình hoạt động kinh doanh của công ty được liên tục và không bị gián đoạn.



Rủi ro giao thông



Hiện nay địa bàn hoạt động chính của Công ty ở Thành phố Hồ Chí Minh, là đơn vị hành chính Việt Nam xếp thứ nhất về GRDP bình quân đầu người, đạt 154,84 triệu đồng (tương ứng với 6.725 USD). Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng giao thông vẫn chưa thể đáp ứng tốc độ phát triển này, do vậy tình trạng tắc nghẽn giao thông vào giờ cao điểm vẫn luôn là vấn đề tranh cãi của Công ty nói riêng và cả Thành phố nói chung. Cụ thể, dự án hầm chui tại nút giao An Sương, nơi giao nhau giữa QL1 với QL22 đã đi vào hoạt động trong năm nay nhằm giảm thiểu ùn tắc giao

thông. Tuy nhiên, vào giờ cao điểm tình trạng ùn tắc tại nút giao ngã tư An Sương vẫn diễn ra phổ biến. Điều này cũng khiến cho một số khách hàng của TPS do dự trong việc di chuyển và phải tìm đến những bến xe khác có vị trí giao thông thuận lợi hơn. Bên cạnh việc bố trí cán bộ trật tự ở trong và khu vực ngoài cổng của bến xe để hỗ trợ điều động, giúp xe lưu thông dễ dàng hơn, Công ty còn lập ra những đề án nâng cấp và mở rộng bến xe nhằm cải thiện tình hình kẹt xe xung quanh bến xe, đặc biệt là bến xe An Sương.



Rủi ro cạnh tranh

Trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty hiện có hai bến xe lớn là Bến xe Miền Đông và Bến xe Miền Tây. Hàng không giá rẻ ngày một phát triển; việc cạnh tranh không công bằng của các "xe dù", "bến cóc" đang tạo ra mâu thuẫn rất gay gắt với xe kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định và gây mất trật tự, an toàn và ùn tắc giao thông, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Để có thể cạnh tranh được với những bãi xe khác, Công ty không chỉ chú trọng đẩy mạnh mở rộng quy mô, nâng cấp dịch vụ, các dự án đầu tư xây dựng mà còn cải tạo nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng với quy mô lớn đang được ráo riết chuẩn bị và thực hiện. Với chất lượng sau khi nâng cấp, cải tạo hai bến xe, TPS tin rằng sẽ có đủ khả năng cạnh tranh và giữ chân được khách hàng.

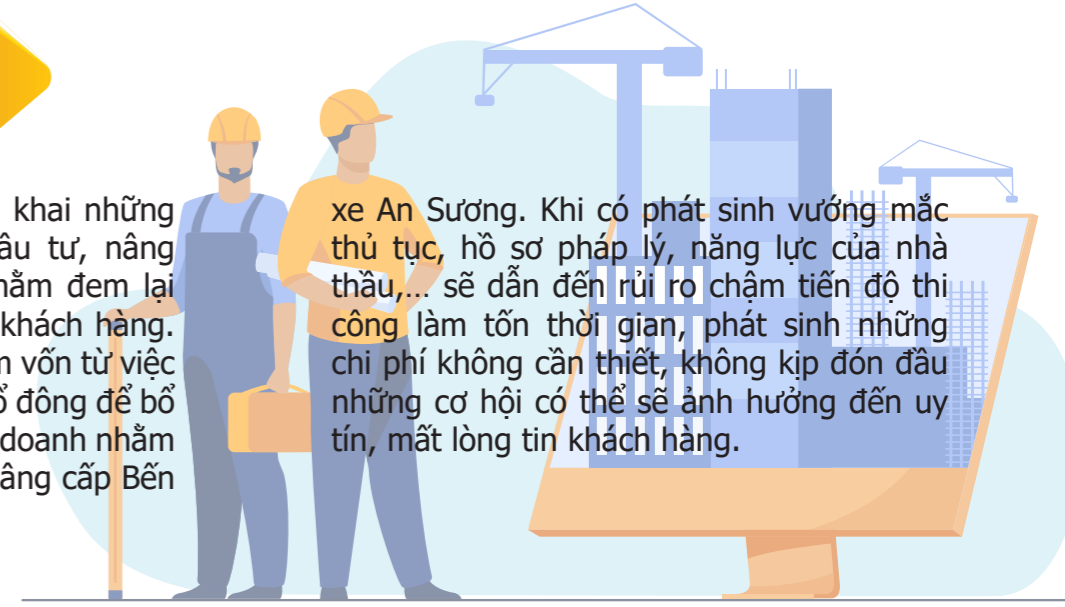
Rủi ro gian lận hàng hóa

Công ty chịu trách nhiệm quản lý các dịch vụ bốc dỡ hàng hóa nên công tác giám sát chặt chẽ, đảm bảo không xảy ra tình trạng quá khổ, quá tải, mất mát, thiệt hại hàng hóa hay ngăn chặn tình trạng kinh doanh các mặt hàng cấm như rượu lậu, hàng hóa gây cháy nổ, động vật hoang dã,... Đây là những khó khăn đòi hỏi Công ty phải luôn đề ra các giải pháp phòng ngừa hiệu quả, nâng cao uy tín, chất lượng hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro tiến độ dự án

Hiện tại Công ty đã triển khai những dự án cụ thể về việc đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương nhằm đem lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Công ty đã huy động thêm vốn từ việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông để bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh nhằm thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp Bến

xe An Sương. Khi có phát sinh vướng mắc thủ tục, hồ sơ pháp lý, năng lực của nhà thầu,... sẽ dẫn đến rủi ro chậm tiến độ thi công làm tổn thời gian, phát sinh những chi phí không cần thiết, không kịp đón đầu những cơ hội có thể sẽ ảnh hưởng đến uy tín, mất lòng tin khách hàng.



Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, còn nhiều rủi ro mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường,.. Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch và

ý thức bảo vệ nguồn nước cho công nhân viên cũng như người dân, các biện pháp phòng chống thiên tai,... Thường xuyên hợp tác với phường, xã tổ chức các hoạt động xã hội nhằm tuyên truyền, nâng cao ý thức về môi trường cũng như thực hiện an toàn phòng cháy chữa cháy để hạn chế rủi ro xảy ra, gây thiệt hại về người và của.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường cộng đồng



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

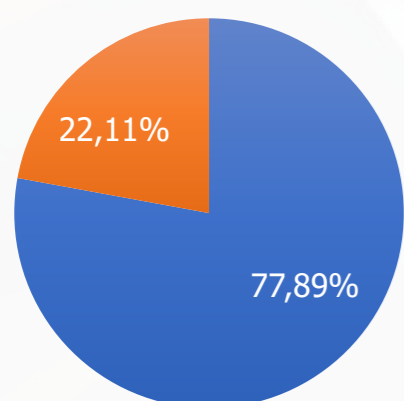
ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu thân	Năm 2019		Năm 2020		% 2020/2019
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Dịch vụ lưu đậu xe ra vào bến	33.950	77,89%	30.167	75,91%	88,86%
2	Dịch vụ hỗ trợ	9.639	22,11%	9.575	24,09%	99,33%
Tổng cộng		43.589	100%	39.742	100%	91,17%

Nguồn thu chủ yếu của Công ty đến từ hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải, chiếm gần 76% doanh thu thuần, bao gồm lệ phí xe khách ra vào bến và hoa hồng vé xe khách, phí cung cấp dịch vụ lưu đậu và xe bus. Phần còn lại của doanh thu tập trung vào hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Công ty bao gồm khai thác kinh doanh dịch vụ, quảng cáo, dịch vụ hỗ trợ khác,... Nhìn chung cơ cấu doanh thu ở năm nay cũng không có thay đổi nhiều so với năm 2018 và 2019.

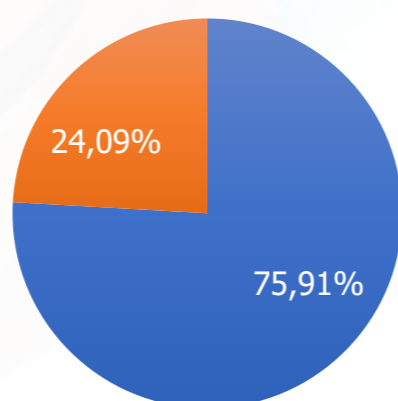
Tuy nhiên, năm 2020 trước ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19 doanh thu thuần dịch vụ lưu đậu xe ra vào bến và dịch vụ hỗ trợ ghi nhận giảm lần lượt 11,14% và 0,67% so với năm 2019. Tổng doanh thu thuần năm 2020 giảm 8,83% so với năm 2019

DOANH THU 2019



■ Dịch vụ lưu đậu xe ra vào bến ■ Dịch vụ hỗ trợ

DOANH THU 2020



■ Dịch vụ lưu đậu xe ra vào bến ■ Dịch vụ hỗ trợ

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Hiện nay, tổng số lao động là 108 người, Công ty có 3 lao động có trình độ Thạc sĩ, 30 lao động có trình độ Đại học. Điều này giúp đảm bảo cho bộ máy quản lý và cơ chế làm việc của lao động có trình độ chuyên môn luôn được đảm bảo.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	108	100%
1	Trình độ trên đại học	3	2,78%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	33	30,56%
3	Trình độ trung cấp	52	48,15%
4	Công nhân kỹ thuật	0	1,85%
5	Lao động phổ thông	20	18,52%
II	Theo loại hợp đồng lao động	108	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	76	70,37%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	1	0,93%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	31	28,70%
III	Theo giới tính	108	100%
1	Nam	81	75,00%
2	Nữ	27	25,00%

Về nhân sự

Phát triển nguồn nhân lực là một trong những vấn đề luôn được đưa vào định hướng, tầm nhìn chiến lược của Công ty. Công tác nhân sự luôn được chú trọng nhằm thu hút và tạo sự gắn bó giữa người lao động và Công ty. Tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo chế độ nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.

Về lương thưởng

Công ty xây dựng chính sách lương riêng đảm bảo các chế độ lương theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của người lao động.

Đảm bảo thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên cao hơn năm trước, thanh toán tiền lương 2 kỳ mỗi tháng, không có trường hợp chậm trả lương đối với người lao động.

Hàng tháng, Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động A, B, C và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Ngoài ra, nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động, Công ty còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc.

Chế độ làm việc

Đảm bảo thời gian làm việc cho người lao động khối văn phòng theo chế độ thời gian làm việc 40 giờ/tuần và khối trực tiếp theo chế độ thời gian làm việc là 44 giờ đến 48 giờ/tuần. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo môi trường làm việc tốt cả về vật chất và tinh thần để người lao động phát huy khả năng trong công việc. Hằng năm, Công ty còn tổ chức tham quan, nghỉ dưỡng nhằm tạo môi trường sinh hoạt tập thể, gắn kết người lao động.

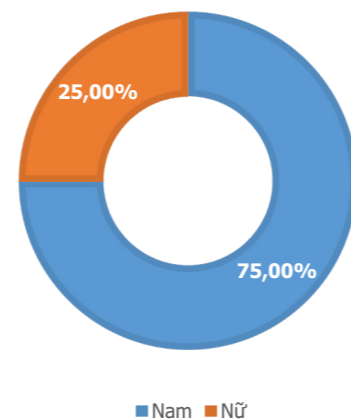
Tuyển dụng

Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho từng bộ phận, phòng ban. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng về trình độ chuyên môn cơ bản. Cán bộ quản lý tuyển dụng phải có trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại học trong và ngoài nước. Tìm kiếm và phát triển đội ngũ cán bộ trẻ kế cận có năng lực, có chuyên môn, giàu nhiệt huyết để dần tiếp nhận việc quản lý điều hành Công ty.

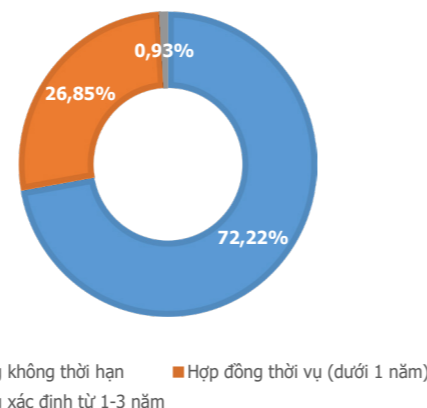
Công tác đào tạo

Việc cạnh tranh trên thị trường lao động ngày càng gay gắt dẫn đến rủi ro về việc chảy máu chất xám, không giữ chân được nhân sự có chất lượng cho Công ty. Vì vậy, Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và luôn tạo một môi trường làm việc tốt cho tất cả các nhân viên. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ hỗ trợ chi phí đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn, dài hạn cho nhân viên theo quy chế đào tạo đã ban hành. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy, tập huấn về các chương trình quản lý kiểm soát chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức tham quan học tập ở nước ngoài cho một số cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh tế và công nhân ưu tú để mở mang kiến thức, nâng cao nghiệp vụ.

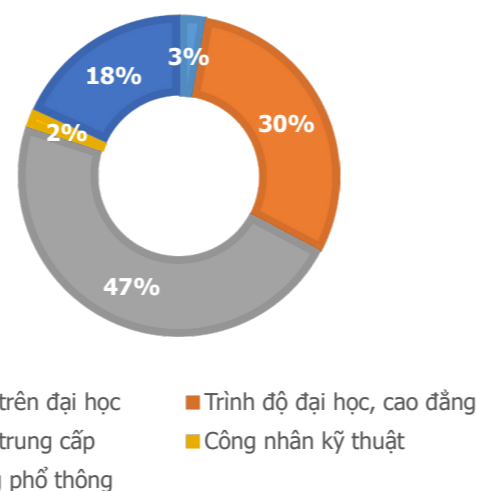
PHÂN LOẠI THEO GIỚI TÍNH



PHÂN LOẠI THEO HỢP ĐỒNG



PHÂN LOẠI THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG



THU NHẬP BÌNH QUÂN

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2017	107	11.650.000
2	2018	106	12.930.000
3	2019	106	12.660.000
4	2020	108	12.350.000

Công ty thực hiện việc điều chỉnh mức lương cơ bản theo mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Pháp luật. Thực hiện việc nâng bậc lương hằng năm theo đúng quy định, quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty. Công ty đã hoàn thành công tác thẩm định Quỹ lương thực hiện 2020 và kế hoạch 2021 theo đúng quy định của Công ty và quy định của Pháp luật hiện hành; Điều chỉnh mức lương cơ bản theo mức lương tối thiểu vùng theo đúng quy định của Pháp luật; Nâng bậc lương hằng năm theo đúng quy định, quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tại ngày 21/01/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Hiếu	Tổng giám đốc	0	0,00%
2	Bùi Thanh Tâm	Kế toán trưởng	0	0,00%

(*): Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

ÔNG TRẦN HIẾU

Ngày sinh	02/01/1981
Nơi Sinh	Quảng Ngãi
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	102/6C Tây Lân, Bà Điểm, Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư vận tải, Thạc sĩ Tổ chức Quản lý Vận tải đường bộ

Thời gian	Chức vụ
01/05/2016 – nay	Thành viên HĐQT CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
01/03/2019 – nay	Tổng giám đốc CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có

Số cổ phần nắm giữ hiện nay 850.000 cổ phiếu (đại diện), chiếm 17% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan Không có

BÙI THANH TÂM

Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

Thời gian	Chức vụ
Từ 25/11/2020 - Đến nay	Đảm nhận vị trí: kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay tại Công ty Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có

Số cổ phần nắm giữ hiện nay Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan Không có

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)

Dự án đã được khởi công từ ngày 05/08/2019, đến nay đã hoàn thành, đã đưa vào sử dụng giai đoạn đầu (03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ) và bàn giao cho các đơn vị khai thác sử dụng.

Dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha)

Công ty đã phối hợp với Phòng Tài nguyên môi trường huyện Hóc Môn và Ủy Ban nhân dân xã Bà Điểm thực hiện xong công tác điều tra xã hội học các hộ dân trong phạm vi dự án. Công ty đang phối hợp với Phòng Tài nguyên môi trường huyện Hóc Môn xây dựng kế hoạch thu hồi đất trình Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, hồ sơ dự án đầu tư được lập năm 2013, đến thời điểm hiện tại không còn phù hợp. Do đó, để có căn cứ tiếp tục triển khai thực hiện dự án, cần thiết phải đánh giá lại các nội dung của dự án như: Quy mô và hình thức đầu tư xây dựng; Phương án thiết kế; Dự kiến thời gian thực hiện; Phân kỳ đầu tư; Sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn; khả năng hoàn vốn, trả nợ vốn vay (nếu có sử dụng vốn vay); Xác định hiệu quả kinh tế xã hội và đánh giá tác động của dự án.....

Do đó, Hội đồng quản trị thống nhất chấp thuận thuê đơn vị tư vấn lập Đề xuất dự án nhằm đánh giá lại các nội dung của dự án "Mở rộng bến xe An Sương" trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua, từ đó làm căn cứ triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

Công ty đang triển khai lập đề xuất dự án nhằm đánh giá lại các nội dung của dự án, dự kiến trình thông qua tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Đang chờ cập nhật lại. Thông tin trên sử dụng báo cáo sử dụng vốn của TPS tháng 10-2020

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

KHOẢN PHẢI THU

Trong năm 2020, khoản phải thu ngắn hạn giảm 66,18%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc khoản trả trước cho người bán ngắn hạn giảm 91,6% so với năm 2019. Cụ thể trong năm 2020, Công ty đã tiến hành thanh toán khoản tiền 5,2 tỷ đồng cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Lục Giác, đây là khoản tiền thanh toán cho việc xây dựng dự án bến xe An Sương giai đoạn 01.

Công ty thực hiện chính sách trả chậm duy trì mối quan hệ với khách hàng lớn và uy tín như Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghiệp Hoàng Gia, Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines, Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn. Số dư khoản phải thu từ 03 khách hàng trên tính đến cuối kỳ chiếm gần 72,19% khoản phải thu ngắn hạn, phần phải thu còn lại đến từ các doanh nghiệp khác. Công ty không phát sinh các khoản phải thu dài hạn.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019	Năm 2020
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.265	2.457
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	416	1.454
Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.823	489
Phải thu ngắn hạn khác	1.026	514



KHOẢN PHẢI TRẢ

Trong năm 2020, Nợ ngắn hạn của Công ty tăng 74,90% so với năm 2019. Chủ yếu đến từ khoản phải trả người bán ngắn hạn và khoản phải trả ngắn hạn khác. Cụ thể, tại ngày 31/12/2020 Công ty ghi nhận khoản phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Lục Giác với số tiền 2,59 tỷ đồng. Bên cạnh đó khoản phải trả cho các bên liên quan, cụ thể là khoản phải trả cổ tức cho Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV ghi nhận mức tăng 5,35 tỷ đồng và cổ tức phải trả cho các bên liên quan khác ghi nhận mức tăng 5,14 tỷ đồng, đây là những nguyên nhân chủ yếu làm cho nợ ngắn hạn của Công ty trong năm 2020 tăng mạnh.

Công ty không phát sinh các khoản phải thu dài hạn tính đến thời điểm này.

ĐVT: Triệu đồng

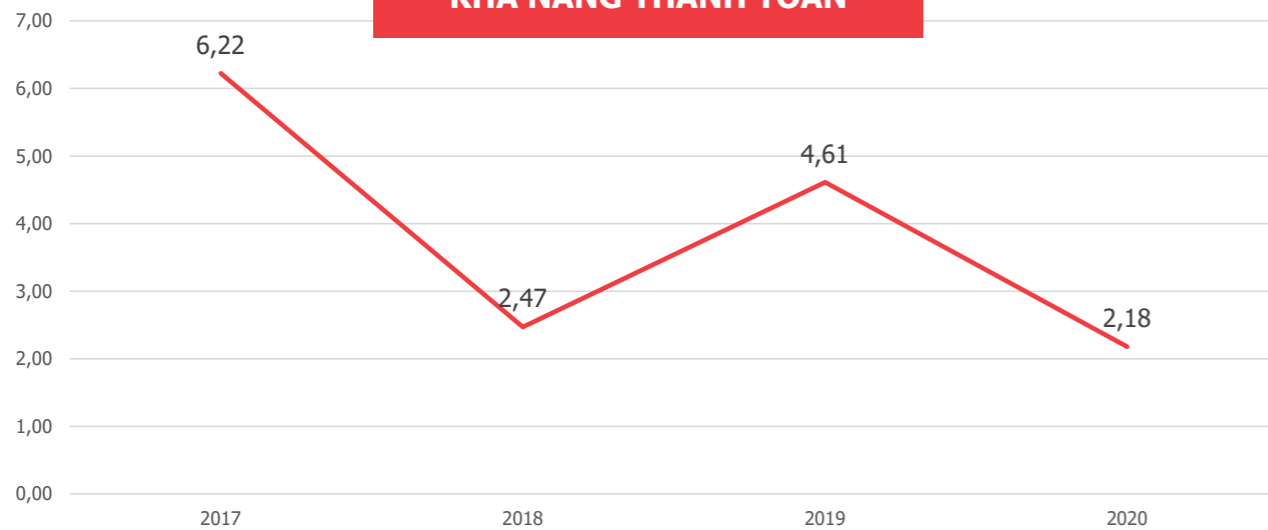
Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Nợ ngắn hạn	15.174	26.540
Phải trả người bán ngắn hạn	498	2.795
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	11
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.365	1.324
Phải trả người lao động	4.428	2.832
Chi phí phải trả ngắn hạn	77	59
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	7
Phải trả ngắn hạn khác	2.940	12.820
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.836	6.692



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2019	2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,61	2,18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,61	2,18
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	16,7	27,50
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	20,00	37,90
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,47	0,42
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	40,79	38,70
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	25,82	21,08
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	19,13	16,40
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	51,86	45,50

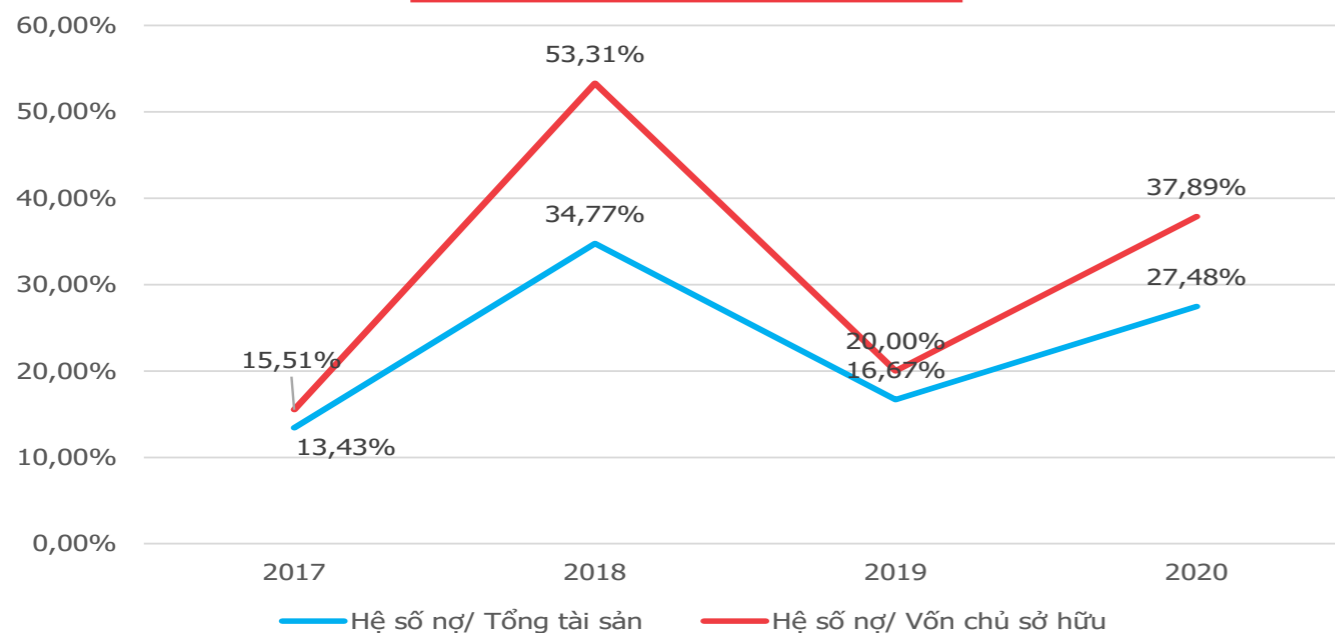
KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Công ty kinh doanh dịch vụ bến bãi vận tải nên không có hàng tồn kho chính vì vậy khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh bằng nhau. Trong năm 2020, khả năng thanh toán của Công ty giảm 52,71% chủ yếu do khoản phải thu giảm mạnh với tỷ lệ 66,18% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty thực hiện trả trước cho Công ty TNHH Xây dựng

Thương mại Lục Giác, đây là khoản tiền thanh toán cho việc xây dựng dự án bến xe An Sương giai đoạn 1. Bên cạnh đó, Nợ ngắn hạn trong năm 2020 của Công ty tăng 74,90%. Tuy nhiên, các hệ số khả năng thanh toán đều lớn hơn 01 nên Công ty vẫn đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và không có rủi ro về khả năng thanh khoản.

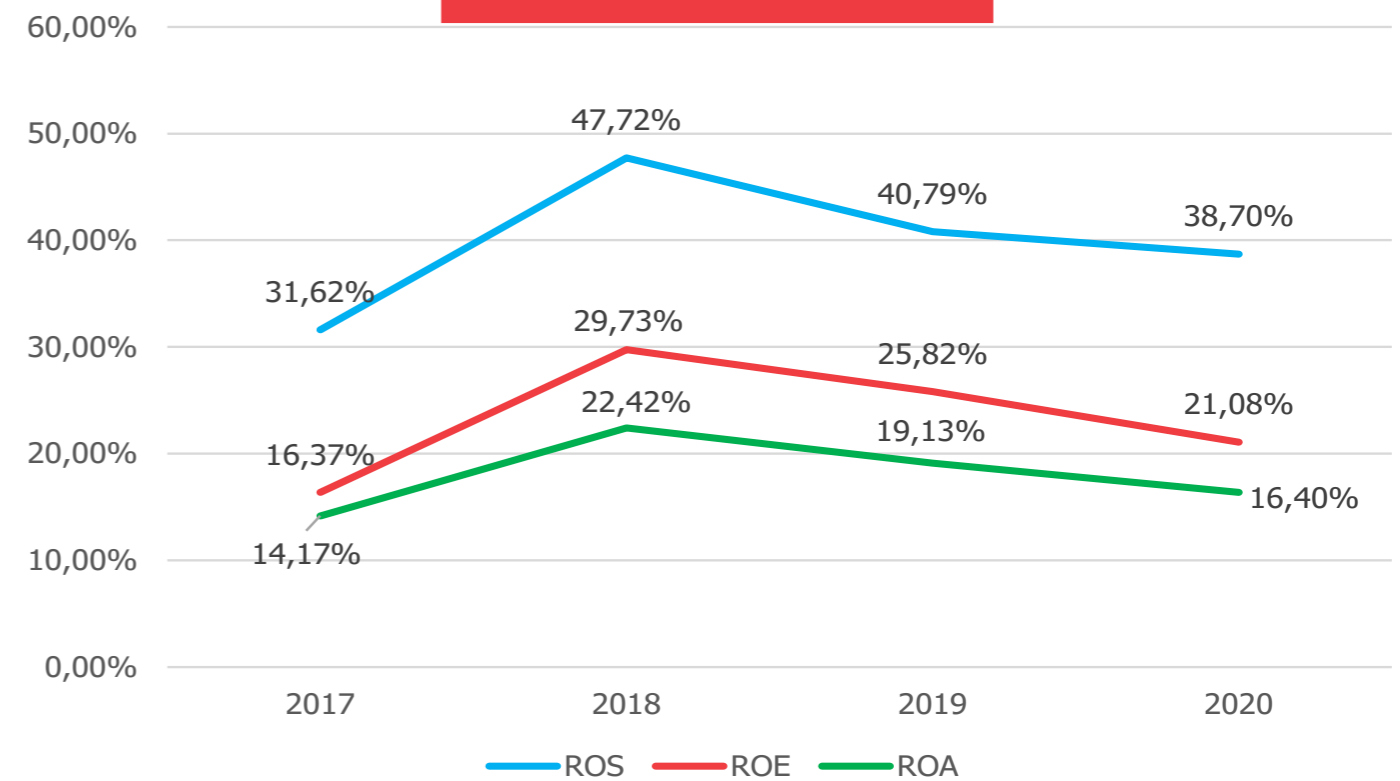
CƠ CẤU VỐN



Trong năm 2020, các hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu ghi nhận các mức tăng lần lượt là 64,67% và 89,5% so với năm 2019. Công ty không sử dụng đòn bẩy tài chính mà sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu phát hành để tài trợ vào dự án đầu tư, nâng cấp bến xe An Sương

giai đoạn 1. Bên cạnh đó, nợ ngắn hạn trong năm tăng. Nguyên nhân chủ yếu do ghi nhận khoản nợ phải trả ngắn hạn cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Lục Giác và khoản nợ cổ tức năm 2019. Nhìn chung trong năm 2020 Công ty vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính hợp lý.

KHẢ NĂNG SINH LỜI



Trong năm 2020, trước những khó khăn do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 đội ngũ ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên công ty quyết tâm vượt qua khó khăn, duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, kiểm soát chi phí nhằm hạn chế tối đa tác động tiêu cực mà dịch bệnh Covid-19 đem lại.

Trong năm 2020, doanh thu của Công ty đạt 39,74 tỷ đồng giảm 8,83% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 15,38 tỷ đồng

giảm 13,49%. Các chỉ số ROS, ROA, ROE lần lượt đạt 38,7%, 16,40% và 21,08% ghi nhận giảm so với năm 2019. Nhưng đây vẫn là thành quả đáng khích lệ cho sự cố gắng và nỗ lực vượt qua nghịch cảnh của toàn thể cán bộ công nhân viên và người lao động của Công ty trước cơn bão tàn phá Đại dịch Covid-19 mang lại.

Bên cạnh đó, Công ty kỳ vọng việc hoàn thiện các dự án nâng cấp, mở rộng bến xe sẽ giúp lợi nhuận tăng đáng kể trong thời gian tới.



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Ngày chốt 31/12/2020

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	139	4.905.313	49.053.130.000	98,11%
1	Cổ đông nhà nước	1	2.550.000	25.500.000.000	51,00%
2	Cổ đông tổ chức	2	1.096	10.960.000	0,02%
3	Cổ đông cá nhân	148	2.354.217	23.542.170.000	47,08%
II	Cổ đông nước ngoài	2	94.687	946.870.000	1,89%
1	Cá nhân	1	2.700	27.000.000	0,05%
2	Tổ chức	1	91.987	919.870.000	1,84%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	153	5.000.000	50.000.000.000	100,00%

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Về môi trường

Hiện nay, TPS hoạt động chính vẫn là mảng dịch vụ cho thuê bãi, ngoài ra còn có các dịch vụ sửa chữa phương tiện vì vậy không thực sự có nhiều nguồn nguyên vật liệu đầu vào để quản lý thường xuyên ngoại trừ việc 2 năm trở lại đây Công ty phải bảo quản nguyên vật liệu trong việc xây dựng nâng cấp công trình đầu tư cho dự án bến xe. Tuy nhiên, doanh nghiệp đã kiểm soát rất tốt về mặt quy trình xây dựng các dự án, tránh gây thất thoát nguyên liệu gây tổn thất cho công ty.

Thời gian gần đây việc bảo vệ và tiết kiệm nước sạch không chỉ đã và đang được Nhà nước quan tâm theo dõi kỹ lưỡng mà Công ty cũng luôn chú trọng trong việc sử dụng. Lượng nước được định mức hóa để tránh gây lãng phí thiệt hại cho doanh nghiệp như: Tối ưu hóa quy trình vệ sinh nhà xưởng; nhắc nhở việc tắt mở sử dụng đúng mục đích và tiết kiệm.

Với đặc thù ngành liên quan đến vận tải nên việc tiêu thụ nhiên liệu được sử dụng phổ biến trong sinh hoạt và kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy, Công ty vẫn luôn quan tâm đến việc tiêu thụ nhiên liệu cũng như năng lượng (điện) và kiểm soát chúng thông qua các chỉ số định mức và dựa trên mức độ đánh giá. Nếu nhận thấy có dấu hiệu sử dụng mất kiểm soát thì Công ty sẽ tìm các phương án nhằm cắt giảm mức sử dụng dựa trên nguyên nhân và xử lý tình trạng lãng phí kịp thời. Bên cạnh đó, TPS đảm bảo việc tuân thủ, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường. Thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, chương trình đào tạo, diễn tập phòng cháy chữa cháy... để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên.

Về cộng đồng

Đối với TPS, nguồn lao động có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh. Vì thế, ngoài những chính sách lương phù hợp, trả lương được bảo đảm đủ và đúng hạn thì còn có các chính sách khen thưởng bằng việc đánh giá mức độ hiệu quả, khả năng làm việc và trách nhiệm người lao động. Từ đó, phân loại, sắp xếp công việc phù hợp và khen thưởng cuối năm. Các nhân sự trong công ty được hưởng đầy đủ quyền lợi liên quan đến bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế được pháp luật quy định.

Đời sống người lao động được cải thiện, phong trào văn hóa, thể thao được duy trì thường xuyên tạo sự giao lưu gắn kết trong nội bộ Công ty, tạo thi đua trong CBCNV và không khí vui vẻ, đoàn kết cùng nhau luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ như: Quan tâm chăm lo Tết Nguyên đán Canh Tý 2020 cho người lao động, phối hợp cùng Công đoàn và Đoàn thanh niên chuẩn bị quà tết tổ chức thăm hỏi, chăm lo các đối tượng chính sách, gia đình khó khăn, họp mặt cán bộ hưu trí. Thực hiện các quyền lợi của người lao động theo "Thỏa ước" lao động năm 2020 như: Khám sức khỏe định kỳ; Mua Bảo hiểm tai nạn cá nhân; Trang bị áo đi mưa; Trang bị Bảo hộ lao động đầy đủ; May đo đồng phục, tổ chức tham quan nghỉ mát tại SaPa; Tổ chức họp mặt và tiệc liên hoan truyền thống giữa các chị em nữ CBCNV nhân ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; Tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6.

Về công tác xã hội, đến nay Công ty đã đóng góp 95 triệu đồng, bao gồm: Hỗ trợ kinh phí tổ chức các hoạt động công tác xã hội Tết Canh Tý 2020, Ủng hộ người nghèo phường Thạnh Lộc; Ủng hộ chương trình xã hội của Tổng Cty năm 2020; Hỗ trợ chương trình "Cùng công nhân vượt khó" của Tổng công ty; Ủng hộ bảo lũ.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá trách nhiệm môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

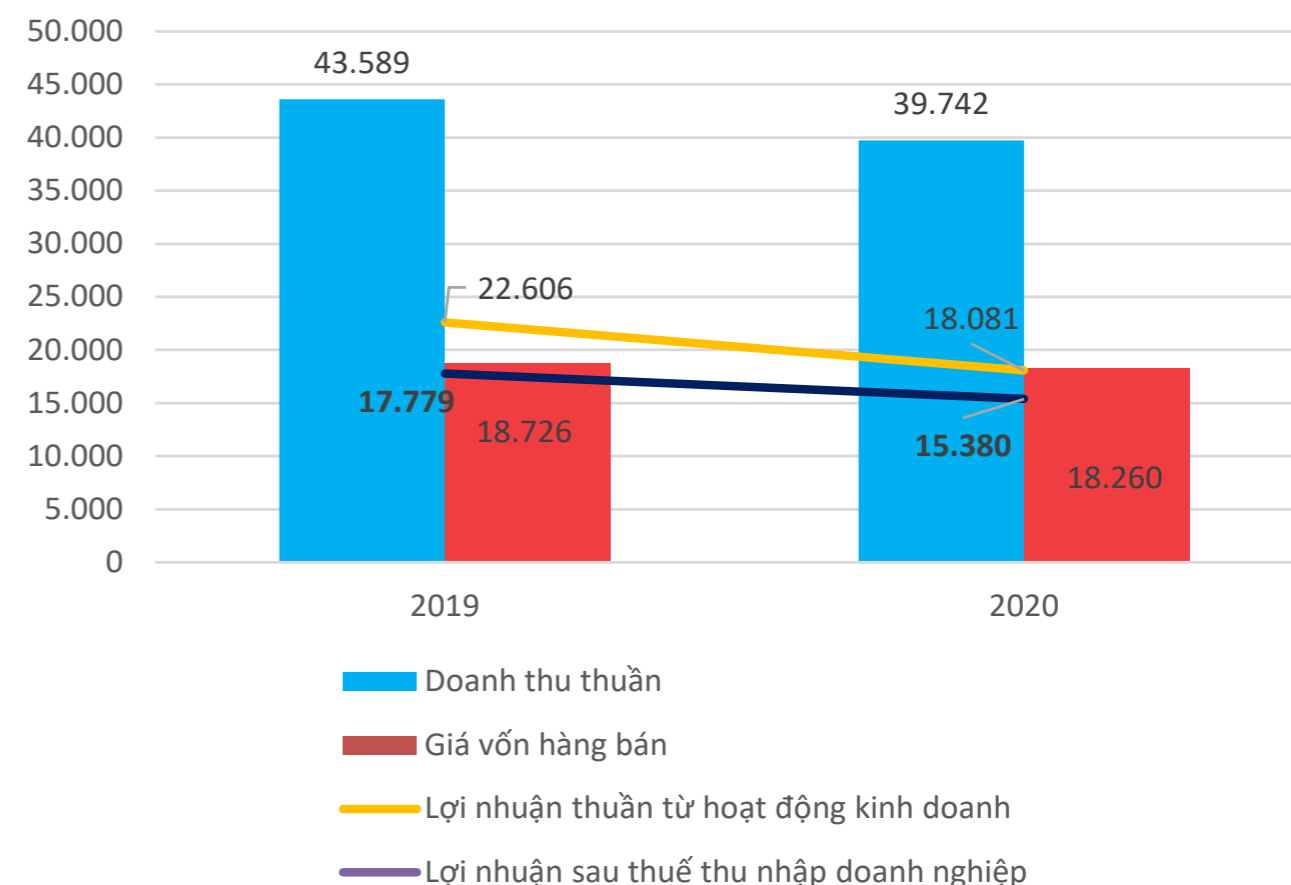
ĐVT: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện		TH Năm 2020	So sánh (%)	
			Năm 2019	Năm 2020		TH 2020 KH 2020	TH 2020 TH 2019
A SẢN LƯỢNG							
I Xe khách liên tỉnh							
1	Xe xuất bến	lượt	205.409	132.238	151.210	114,3	73,6
2	Hành khách qua bến	lượt	1.615.349	731.005	877.663	120,1	54,3
II Phương tiện lưu đậu							
1	Phương tiện lưu đậu	lượt	282.128	244.439	245.395	100,4	87,0
III Xe buýt							
1	Xe xuất bến	lượt	640.391	475.109	479.392	100,9	74,9
2	HK nội tỉnh qua bến	lượt	18.047.804	13.886.942	13.417.879	96,6	74,3
B TỔNG DOANH THU 1000đ			47.557.859	39.934.000	42.100.356	105,4	88,5
C TỔNG CHI PHÍ 1000đ			25.163.378	25.002.706	24.141.347	96,6	95,9
D LỢI NHUẬN							
1	Trước thuế	1000đ	22.394.480	14.931.294	17.944.220	120,2	80,1
2	Sau thuế	1000đ	17.779.173	11.845.035	15.380.247	129,8	86,5
E NỘP NGÂN SÁCH 1000đ			8.599.017	5.458.159	4.628.838	84,8	53,8
1	Thuế GTGT	1000đ	3.149.380	1.591.900	1.641.310	103,1	52,1
2	Thuế TNDN	1000đ	4.615.306	3.086.259	2.563.973	83,1	55,6
3	Thuế khác (thuê đất, MB, TNCN)	1000đ	834.331	780.000	423.555	54,3	50,8
F THU NHẬP BÌNH QUÂN 1000đ			12.660	11.880	12.350	104,0	97,6

Về công tác xe khách tuyến cố định: Hiện nay, xe khách tuyến cố định hoạt động tại hai Bến xe như sau: Tại Bến xe An Sương: Tổng số xe đang hoạt động là 635 xe (tăng 32 xe so với năm 2019), 78 đơn vị vận tải (tăng 10 ĐV so với năm 2019), khai thác trên 65 tuyến (tăng 9 tuyến so với năm 2019). Tại Bến xe Ngã Tư Ga: Tổng số xe đang hoạt động là 331 xe (tăng 36 giảm 20 so với năm 2019), 74 đơn vị vận tải (tăng 4 giảm 1 so với năm 2019), khai thác trên 75 tuyến (tăng 9 giảm 4 so với năm 2019).

Đợt dịch Covid-19 vào tháng 04/2020, Công ty đã tổ chức việc tạm dừng hoạt động vận tải tại hai bến xe từ ngày 01/04/2020 đến ngày 23/04/2020 theo chỉ đạo tại Công văn số 1204/UBND-TH ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đợt dịch Covid-19 lần 2 vào tháng 7/2020, thực hiện theo văn bản số 8935/SGTVT-VTĐB ngày 27/7/2020 của Sở GTVT Tp Hồ Chí Minh, Công ty tạm dừng hoạt động khai thác của các phương tiện vận tải hành khách đi/đến thành phố Đà Nẵng từ cuối tháng 07 và khôi phục lại từ đầu tháng 09/2020 theo Công văn số 8777/BGTVT-VT ngày 06/09/2020 của Bộ Giao thông vận tải. Công ty đã thực hiện tốt công tác báo cáo đến Sở GTVT, Tổng Công ty tình hình tại Công ty về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid 19, sản lượng vận tải tuyến cố định trong thời gian dịch bệnh, thực hiện việc hỗ trợ các Đơn vị vận tải giảm phí dịch vụ tại hai Bến xe trong thời gian dịch bệnh Covid 19. Tuy nhiên, hai đợt dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty, sản lượng hành khách liên tỉnh qua bến và lượt xe khách xuất bến tại Bến xe An Sương và Bến xe Ngã tư ga đều giảm so với kế hoạch, ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được đề ra từ đầu năm 2020. Do đó, Công ty đã thực hiện điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020.

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	43.589	39.742	-8,83%
Giá vốn hàng bán	18.726	18.260	-2,49%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.606	18.081	-20,02%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.779	15.380	-13,49%



Trong năm 2020, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty ghi nhận đạt lần lượt là 39,74 tỷ đồng và 15,38 tỷ đồng, giảm lần lượt 8,83% và 13,49% so với năm 2019. Đại dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và bản thân Công ty nói riêng. Ban lãnh đạo đã chủ động đề ra các phương án nhằm thích ứng với những biến cố khách quan và hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực mà Đại dịch Covid-19 tác động lên bản thân doanh nghiệp. Đây thực sự là giai đoạn đầy thử thách đối với đội ngũ ban lãnh đạo Công ty và qua Đại dịch Covid-19 ban lãnh đạo Công ty đã rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu về cách xử lý và ứng phó với khủng hoảng; từ đó có thể linh hoạt và chủ động ứng phó nếu có xảy ra khủng hoảng trong tương lai.

Những mặt làm được

Duy trì mối đoàn kết nội bộ, tạo sự đồng thuận nhất trí cao, nhờ đó việc triển khai các chủ trương, Nghị quyết đều được thuận lợi. Công ty đã cụ thể hóa chi tiết và triển khai kịp thời các kế hoạch, nhiệm vụ được Tổng công ty giao; Thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Ban Chỉ đạo về phòng, chống dịch bệnh Covid-19, Đoàn thể, CBCNV đã phối hợp thực hiện nghiêm túc, triển khai kịp thời, quyết liệt, đồng bộ ứng phó kịp thời trước tình hình dịch bệnh Viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của Virus Corona (Covid-19) gây ra. CBCNV đã thể hiện sự bình tĩnh, chủ động cùng Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh tham gia phòng, chống dịch bệnh; đoàn kết, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau vượt qua khó khăn.

Với sự năng động, sáng tạo, quyết liệt của Ban Điều hành Công ty và sự đồng lòng nhất trí của Hội Đồng Quản trị cũng như tập thể CBCNV đã lãnh đạo thực hiện các biện pháp phát triển trong kinh doanh, phát triển thêm nhiều tuyến xe khách liên tỉnh mới, từng bước đưa các tuyến xe khách chất lượng cao vào bến hoạt động, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, bố trí hợp lý và khai thác có hiệu quả mặt bằng bến bãi, dịch vụ quảng cáo cũng như các dịch vụ khác tại Hai bến xe. Từ đó duy trì ổn định tình hình SXKD, góp phần hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020. Doanh thu năm 2020 đạt 105,4% so với kế hoạch năm 2020. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 120,2% so với kế hoạch năm 2020.

Lãnh đạo Công ty phát triển toàn diện đồng đều các mặt như: ANTT, PCCC, ATVSLĐ, bảo vệ môi trường, công tác xây dựng Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn cũng như chăm lo tốt cho người lao động và đóng góp công tác xã hội. Công ty đã được UBNDTP, Tổng Công ty khen thưởng "Công ty đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức, chăm lo Tết Nguyên Đán Canh Tý năm 2020"; Tổng Công ty khen thưởng "tập thể đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015-2019"; "tập thể đã có thành tích trong Công tác ATVSLĐ-PCCN năm 2019. Bến xe Ngã tư ga được Ủy ban nhân dân Quận 12 khen tặng là đơn vị 2 năm liền (2018, 2019) đạt tiêu chuẩn văn hoá; khen tặng " đơn vị đạt chuẩn phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá giai đoạn 2000-2020". Bến xe An Sương được Ủy Ban Nhân Dân Xã Bà Điểm đã có thành tích tiêu biểu trong công tác phối hợp thực hiện phong trào toàn dân BVTQ năm 2019; Ủy Ban Nhân Dân Huyện Hóc Môn Công nhận Danh hiệu Đơn Vị đạt chuẩn trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa 09 năm (2011-2019)".

Những kết quả đạt được nêu trên của Công ty là nhờ luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ, định hướng phát triển từ Tổng Công ty, Sở Giao thông vận tải và chính quyền địa phương, cùng với sự chỉ đạo kịp thời, hiệu quả và đoàn kết nhất trí của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty tạo động lực và sức mạnh cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty nỗ lực, cố gắng trong công tác thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã đề ra.

Khó khăn

Công tác Quyết toán chuyển thể giai đoạn Công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần: Các phòng ban, đơn vị vẫn tích cực liên hệ cơ quan Sở ngành để giải quyết nhưng đến nay chưa thực hiện xong do phía đối tác là Ủy ban nhân dân Quận 12 chưa nhận bàn giao, còn kiến nghị lên Thành phố xin ý kiến.

Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, biến tướng trong vận tải hành khách chưa được khắc phục triệt để không chỉ ảnh hưởng đơn vị vận tải và đơn vị kinh doanh bến bãi mà còn ảnh hưởng an ninh trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn thành phố.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Trong năm 2020, tổng tài sản của Công ty tăng 6,11% so với năm 2019 ghi nhận đạt 96,59 tỷ đồng. Cơ cấu tài sản trong năm 2020 có sự thay đổi khi tài sản ngắn hạn giảm 17,54% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do khoản phải thu ngắn hạn trong năm 2020 giảm, cụ thể khoản trả trước cho người bán ngắn hạn giảm 91,60%. Trong năm Công ty thực hiện trả trước cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Lục Giác đây là đơn vị thực hiện tư vấn thiết kế và thi công dự án cải tạo nâng cấp bến xe An Sương.

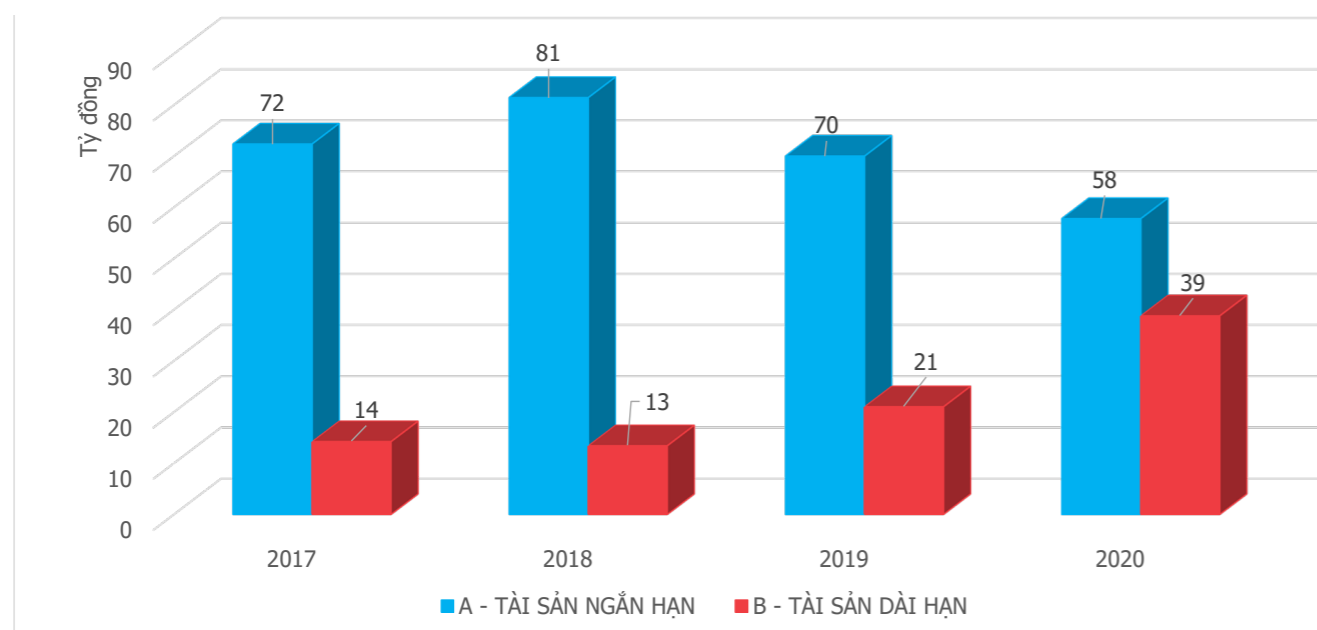
Tài sản dài hạn của Công ty trong năm tăng 84,85% so với năm 2019 ghi nhận đạt 38,8 tỷ đồng. Nguyên nhân tài sản dài hạn năm 2020 tăng chủ yếu do khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng. Cụ thể, dự án đầu tư, nâng cấp bến xe An Sương (giai đoạn 1) trong kỳ phát sinh tăng 17,41 tỷ đồng.

Nhìn chung, cấu trúc tài sản của Công ty vẫn đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	70.007	76,90%	57.727	60%
Tài sản dài hạn	21.023	23,09%	38.861	40%
Tổng tài sản	91.031	100,00%	96.588	100%

TÌNH HÌNH TÀI SẢN QUA CÁC NĂM



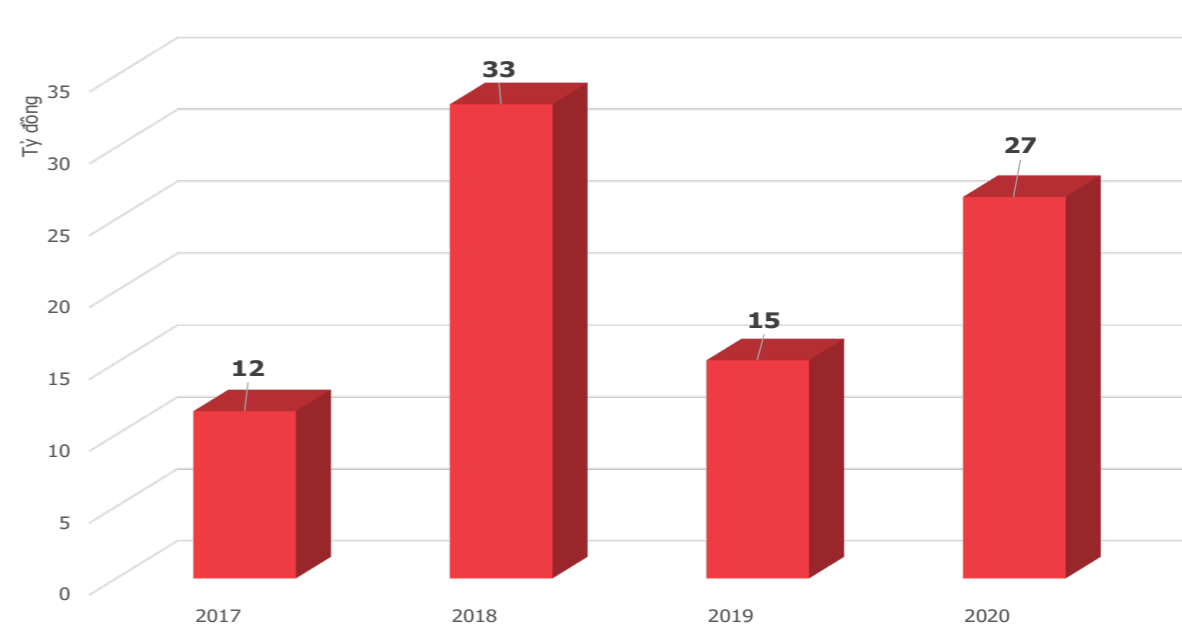
Tình hình nợ

Trong năm 2020, tổng nợ của Công ty tăng 74,90% so với năm 2019 chủ yếu đến từ khoản tiền nợ chưa chi trả cổ tức năm 2019. Công ty đang chờ chấp thuận nâng mức trả cổ tức năm 2019 từ 14% lên 20%. Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty tăng 15,79% so với năm 2019 tạo động lực làm việc cho các công nhân viên khi đạt hiệu suất cao. Hiện tại, Công ty không sử dụng nợ vay hay nợ thuê tài chính khác.

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	15.174	100,00%	26.540	100%
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	15.174	100,00%	26.540	100%

TÌNH HÌNH NỢ QUA CÁC NĂM



Công tác tài chính

Đảm bảo dòng tiền sẵn sàng cho việc triển khai cải tạo sửa chữa tại Bến xe Ngã tư ga.

Thực hiện đúng công tác kế toán tài chính và kiểm tra tài chính định kỳ theo quy định, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

Tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chấp hành nghiêm quy định chế độ quản lý tài chính, thực hiện và tuân thủ các quy định của nhà nước, nội quy, quy chế của Tổng Công ty, Công ty trong công tác kinh doanh và quản lý điều hành. Chú trọng phân tích đánh giá tình hình tài chính một cách nhanh chóng chính xác kịp thời để có kế hoạch triển khai phù hợp.

Tăng cường quản lý, bảo toàn và nâng cao hiệu quả đồng vốn, đảm bảo quyền lợi và lợi hợp pháp của Công ty, cổ đông và người lao động

Thực hiện đầy đủ các quy định đối với Công ty đại chúng đã lên sàn UPCOM theo luật chứng khoán, phát huy việc giao dịch cổ phiếu, quảng bá rộng rãi đến nhà đầu tư và tăng khả năng huy động vốn.

Công tác nhân sự

Rà soát đánh giá và bổ sung cán bộ quy hoạch theo đúng quy định và triển khai đào tạo nguồn nhân lực theo kế hoạch đề ra. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng vào việc đào tạo nghiệp vụ và các kỹ năng mềm, đào tạo tin học cho người lao động.

Mạnh dạn đổi mới trong việc bố trí, luân chuyển cán bộ, nhân viên phù hợp với năng lực, sở trường công tác nhằm đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Tạo điều kiện tốt nhất để người lao động phát huy tối đa khả năng, năng lực cống hiến. Quan tâm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

Công tác đào tạo

Triển khai đào tạo nguồn nhân lực theo kế hoạch đề ra, nhất là đối với cán bộ diện quy hoạch, mạnh dạn đổi mới trong việc bố trí, luân chuyển cán bộ, nhân viên phù hợp với năng lực, sở trường công tác nhằm đáp ứng tốt yêu cầu SXKD của Công ty. Hiện nay, có 01 nhân sự đang học Thạc sĩ, 02 nhân sự đang học Đại học, 3 nhân sự đang học Trung cấp chính trị.

Tổ chức tập huấn công tác Phòng cháy chữa cháy – Thoát hiểm thoát nạn; Huấn luyện, đào tạo An toàn vệ sinh lao động định kỳ cho người lao động theo quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP cho toàn thể Cán bộ công nhân viên và các điểm kinh doanh dịch vụ tại hai bến xe; Tổ chức cho nhân viên bảo vệ học nghiệp vụ bảo vệ do Công an Thành phố tổ chức.

Công tác pháp chế

Công tác pháp chế đã từng bước hoàn thiện khung pháp lý cho các hoạt động của Công ty: Đẩy nhanh việc thực hiện kế hoạch rà soát, sửa đổi và xây dựng mới các văn bản quản lý nội bộ của Công ty như việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các Quy chế của Công ty trong năm 2020; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty. Rà soát Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Giao ước thi đua 2020. Bên cạnh đó, đã tiến hành tập hợp, nghiên cứu các văn bản pháp lý quan trọng có liên quan và tác động nhiều mặt đến hoạt động của Công ty như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư; Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (DN) và đánh giá tác động của những luật này đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác quản trị của Công ty. Hoàn thành dự thảo các Quy chế công tác văn thư; Quy chế bí mật.

Tiếp tục theo dõi kết quả phản hồi của Sở Tài Nguyên môi trường TPHCM về thực hiện thủ tục ký lại PLHD thuê đất tại BXNTG; điều chỉnh Giấy Chứng nhận QSDĐ tại BXAS sau khi bàn giao đất phục vụ xây dựng hầm chui An Sương. Ban hành mục tiêu chất lượng ISO năm 2020.

Thực hiện báo cáo kết quả công khai tài sản cán bộ chủ chốt theo quy định.



Công tác hành chính

Tổ chức thành công các Hội nghị, Đại hội quan trọng năm 2021 như: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV (2021 – 2026). Hội Nghị người lao động và đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; Hội nghị Tổng kết công tác xây dựng Đảng và Sản xuất kinh doanh, Tiếp tục quản lý điều hành theo tiêu chuẩn Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; Quy trình tác nghiệp chuẩn SOP". Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp, kết nối thương hiệu với Tổng Công ty.

Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung các quy chế quy định của Công ty, các quy trình quản lý, các quy trình tác nghiệp đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả, phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế tại Công ty như: Điều lệ công ty, Quy Chế Trả lương trả thưởng, Nội quy lao động,....

Tiếp tục theo dõi liên hệ các cơ quan, ban ngành để hoàn thành công tác bàn giao chi phí đền bù, giải tỏa xây dựng Bến xe Ngã Tư Ga; Thực hiện thủ tục ký lại PLHĐ thuê đất tại BXNTG; Theo dõi thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Bến xe An Sương (điều chỉnh giảm theo Quyết định thu hồi đất của UBND Huyện Hóc Môn về Dự án Hàm chui Bến xe An Sương).

Áp dụng có hiệu quả các phần mềm vào các quy trình tác nghiệp để nâng cao năng suất lao động; Cung cấp đầy đủ thông tin cho hành khách về luồng tuyến, giờ khởi hành của các chuyến xe, loại xe, quy hoạch tuyến, khai trương tuyến mới,.. trên website của Công ty.

Tăng cường công tác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường trong toàn Công ty; Đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng và tài sản cho hành khách và khách hàng.

Nghiêm túc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, gắn trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trong việc triển khai các nhiệm vụ SXKD đảm bảo hoạt động đồng đều và hiệu quả. Đồng thời, phát huy trí tuệ tập thể trong điều hành tổ chức.

Phát động các phong trào thi đua và tổ chức thực hiện tốt trên các lĩnh vực, thực hành tiết kiệm, khuyến khích phát huy sáng kiến cải tiến, giải pháp, hợp lý hóa SXKD tạo động lực thúc đẩy SXKD đạt hiệu quả. Phần đầu có ít nhất 6 sáng kiến hoặc giải pháp và ít nhất 3 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Tiếp tục tích cực tham gia công tác An sinh xã hội, đóng góp các quỹ tài trợ do địa phương và Tổng Công ty phát động.



Công tác đầu tư

Tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng các dự án công trình theo kế hoạch đã đề ra nhằm chỉnh trang, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bến bãi khang trang sạch đẹp đảm bảo quy chuẩn quốc gia về bến xe khách:

Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)

Lập báo cáo quyết toán, kiểm toán báo cáo quyết toán công trình. Hoàn tất các thủ tục thanh lý hợp đồng với các đơn vị liên quan.

Dự án Mở rộng Bến xe An Sương 4,8 ha

Tiếp tục phối hợp với Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hóc Môn xây dựng hoàn thiện Kế hoạch thu hồi đất trình Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

Hoàn thiện hồ sơ Đề xuất dự án trình Hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua làm căn cứ triển khai bước tiếp theo.

Công tác xây dựng cơ bản khác

Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng hai Bến xe. Tại Bến xe Ngã tư Ga: Triển khai xây dựng Khu nhà dịch vụ hỗ trợ theo quy hoạch được duyệt; Xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải; Cải tạo, nâng cấp Dây phòng điều hành; Mở dải phân cách trên quốc lộ 1A trước cổng ra BX Ngã tư ga; Bảo trì hệ thống điện, chống sét, cấp thoát nước, sửa chữa thường xuyên khu văn phòng làm việc, khu dịch vụ, di dời nhà xe cán bộ nhân viên tạo quảng trường thông thoáng trước nhà ga; Tại Bến xe An Sương: Nâng cấp mặt bãi; Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí khu vực sảnh chờ; Bảo trì các hạng mục công trình hiện hữu của bến xe; Bảo trì hệ thống PCCC, chống sét; Trang trí khu vực nhà ga hành khách; Lắp dựng nhà kho; Sơn kẻ mặt đường sân bãi phân luồng giao thông ...

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2021

- Bám sát thực hiện những định hướng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã đề ra. Duy trì và phát triển kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III đề ra. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV (2021 – 2026).
- Tiếp tục triển khai dự án mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha). Theo Nghị quyết HĐQT Công ty đã thông qua. Tiếp tục chỉnh trang cơ sở hạ tầng bến bãi thu hút các Doanh nghiệp vận tải vào bến.
- Xây dựng và phối hợp các Doanh nghiệp vận tải triển khai thực hiện tốt kế hoạch phục vụ hành khách trong đợt cao điểm Lễ, Tết.
- Sử dụng vốn hiệu quả, tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nâng cao hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.
- Chú trọng công tác phòng chống dịch Covid 19, thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị vận tải trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, các dịch vụ phục vụ hành khách tại hai bến đảm bảo ANTT, VSTP, PCCN..., tiếp tục triển khai việc nâng chất lượng dịch vụ tại bến xe theo chỉ đạo của Tổng Công ty.
- Áp dụng Công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành một cách triệt để có hiệu quả.
- Tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng trình độ đội ngũ Cán bộ Công nhân viên đảm bảo yêu cầu công việc, tổ chức sắp xếp lại bộ máy đảm bảo hoạt động hiệu quả.
- Phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021, đạt tập thể lao động xuất sắc. Tiếp tục giữ vững danh hiệu hai Bến xe trực thuộc là Bến xe văn hoá.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Vấn đề môi trường

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng phát triển, yêu cầu về môi trường của khách hàng ngày càng tăng vì vậy Công ty buộc phải quan tâm tới các khía cạnh môi trường, Ban lãnh đạo phải nâng cao nhận thức toàn thể doanh nghiệp về vấn đề này. Năm 2020, Công ty không có bất kỳ vi phạm nào về chính sách pháp luật trong vấn đề bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định về giữ gìn trật tự, vệ sinh môi trường. Đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường của hành khách, các doanh nghiệp vận tải và cán bộ quản lý tại khu vực bến bãi. Đầu tư các trang thiết bị phục vụ kiểm soát quản lý, nâng cao năng lực quản lý môi trường ở cả 2 bến xe.

Về lao động

Con người là giá trị cốt lõi của Công ty. Công ty không chỉ tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên có môi trường làm việc thoải mái, được cống hiến kèm với chính sách đãi ngộ tốt mà còn thường xuyên đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên, lựa chọn nhân sự có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt.

Trách nhiệm xã hội

Xây dựng các chương trình, hoạt động từ thiện, đóng góp vì cộng đồng. Thăm hỏi, giúp đỡ các gia đình hoàn cảnh khó khăn trong địa bàn. Hợp tác với phường tổ chức các hoạt động xã hội, các cuộc thi về thể thao nhằm quyên góp, hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo vượt khó. Liên kết với các Công ty bảo vệ để giữ an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, giữ vệ sinh môi trường tại khu vực bến xe.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban điều hành

Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngô Quang Trung	Chủ tịch	266.974	5,33%
2	Trần Hiếu	Thành viên	850.000	17,00%
3	Lê Thúy Hằng	Thành viên	854.062	17,08%
3	Nguyễn Xuân Điền	Thành viên	850.000	17,00%
4	Nguyễn Tấn Lực	Thành Viên	-	0,00%

Ông Ngô Quang Trung

Ngày sinh	19/10/1976
Nơi Sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	42 Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính

Thời gian	Chức vụ
2000 - 2004	Làm việc tại Canada
2005 - 2008	Giám đốc phụ trách bán lẻ Công ty Cổ phần Vinamilk
2009 - Nay	CB CNV Công ty CP TM & DV Công nghiệp Hoàng Gia
2016 - Nay	Thành viên HĐQT, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có

Số cổ phần nắm giữ hiện nay 266.974 cổ phiếu, chiếm 5,34% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan Ông Ngô Quang Hiến - Anh ruột: 719.712 cổ phiếu, tỷ lệ 14,39% / vốn điều lệ.

(*): Số lượng cổ phần bao gồm của: cá nhân và đại diện

Ông Trần Hiếu

(Xem ở phần Tổ chức nhân sự, lý lịch của Ban Tổng giám đốc)

Bà Lê Thúy Hằng

Ngày sinh	30/04/1977
Nơi Sinh	Thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	50/2A khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, CEO

Thời gian	Chức vụ
07/2000 - 01/2002	Cán bộ trật tự xây dựng - Kiểm phụ trách hộ tịch UBND Phường Tân Thới Hiệp
02/2002 - 06/2004	Kế toán viên, UVBCH Đoàn phường, Phó Chủ tịch Hội LHPN UBND Phường Tân Thới Hiệp
7/2004 - 08/2009	Nhân viên kế toán CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
09/2009 - 03/2010	Phó phòng Kế toán Tài chính CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
04/2010 - 04/2011	Phó phòng Kế toán Tài chính, Thành viên BKS, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, BCH Đảng bộ Công ty
05/2011 - 11/2014	Phó phòng Kế toán Tài chính, Thành viên HĐQT, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, BCH Đảng bộ Công ty
12/2014 - 04/2015	Trưởng phòng KHĐT, Thành viên HĐQT, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, BCH Đảng bộ Công ty
05/2015 - 03/2019	Trưởng phòng KHĐT, Thành viên HĐQT, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty
04/2019 - NAY	Trưởng phòng PTTT, Thành viên HĐQT, CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên HĐQT, Trưởng phòng PTTT & CSKH

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có

Số cổ phần nắm giữ hiện nay Đại diện nắm giữ: 850.000 cổ phiếu, chiếm 17% vốn điều lệ
Cá nhân nắm giữ: 4.062 cổ phiếu, chiếm 0,08 % vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan Chồng: 1.062 cổ phiếu, tỷ lệ 0,031%/vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Xuân Điền

Ngày sinh 04/09/1977
Nơi Sinh Thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 22B Ngô Bê, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa 12/12
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, CEO

Thời gian	Chức vụ
07/2002 - 06/2015	Nhân viên phụ trách đào tạo thuộc Phòng Kỹ thuật - Thiết kế - Công nghệ,
07/2005 - 05/2006	Nhân viên nghiên cứu thị trường thuộc Bộ phận Nghiên cứu thị trường & Phát triển sản phẩm, Tổng công ty SAMCO
06/2006 - 02/2010	Chuyên viên nghiên cứu thị trường thuộc Phòng Marketing, Tổng công ty SAMCO
03/2010 - 03/2012	Trưởng Bộ phận Truyền thông thuộc Phòng Marketing, Tổng công ty SAMCO
04/2012 - 05/2017	Phó Giám đốc Marketing Tổng công ty SAMCO
06/2017 - nay	Phó Chánh văn phòng Tổng công ty SAMCO
04/2019 - Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên HĐQT, Trưởng phòng PTTT & CSKH

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có

Số cổ phần nắm giữ hiện nay Đại diện nắm giữ: 850.000 cổ phiếu, chiếm 17% vốn điều lệ
Cá nhân nắm giữ: không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan Không có

Ông Nguyễn Tấn Lực

Ngày sinh 20/11/1976
Nơi Sinh Vĩnh Hòa, U Minh Thượng, Kiên Giang
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 15/9 Đường 8, KP5 Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa 12/12
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, CEO

Thời gian	Chức vụ
05/2019 - Nay	Làm việc tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công Nghiệp Hoàng Gia
04/2019 - Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên HĐQT, Trưởng phòng PTTT & CSKH

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có

Số cổ phần nắm giữ hiện nay Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan Không có

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2020, Công ty đã duy trì đoàn kết nội bộ, tạo sự đồng thuận nhất trí cao, nhờ đó việc triển khai các chủ trương, Nghị quyết đều được thuận lợi. Công ty đã cụ thể hóa chi tiết và triển khai kịp thời các kế hoạch, nhiệm vụ được Tổng công ty giao; Thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Đại dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đến kinh tế Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng nhưng với quyết tâm, sự nỗ lực của ban lãnh đạo cũng như toàn thể CBCNV Công ty đã vượt qua khó khăn để hoàn thành vượt 11/14 chỉ tiêu kế hoạch đề ra cho năm 2020. Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành dự án bến xe An Sương (giai đoạn 1) và phát triển thêm nhiều tuyến xe khách liên tỉnh mới, nâng cao hiệu quả khai thác mặt bằng bến bãi. Duy trì ổn định tình hình SXKD

Những kết quả đạt được nêu trên của Công ty là nhờ nhận được sự quan tâm hỗ trợ, định hướng phát triển từ Tổng Công ty, Sở Giao thông vận tải và chính quyền địa phương, cùng với sự chỉ đạo kịp thời, hiệu quả và đoàn kết nhất trí của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty tạo động lực và sức mạnh cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty nỗ lực, cố gắng trong công tác thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã đề ra.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Công tác điều hành được phân công cụ thể và chỉ đạo quyết liệt, bám sát phương hướng và kế hoạch hoạt động theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020 và định hướng của Hội Đồng quản trị.

Ban Tổng giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng giám đốc đã duy trì thường xuyên họp giao ban. Thành phần tham dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý và đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong cuộc họp, từ đó thông báo xuống các phòng ban đơn vị để thực hiện.

Ban Tổng giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong công tác kiểm tra giám sát.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bám sát thực hiện thành công những định hướng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã đề ra. Duy trì và phát triển kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III đề ra. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV (2021 – 2026).

Tiếp tục triển khai dự án mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha), theo Nghị quyết HĐQT Công ty. Chính trang cơ sở hạ tầng bến bãi thu hút các Doanh nghiệp vận tải vào bến.

Tiếp tục triển khai việc nâng cao chất lượng dịch vụ tại bến xe theo chỉ đạo của Tổng Công ty.

Phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021, đạt tập thể lao động xuất sắc. Tiếp tục giữ vững danh hiệu hai Bến xe trực thuộc là Bến xe văn hoá.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Các nghị quyết / quyết định trong năm

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Quang Trung	09/09	100%	
2	Ông Trần Hiếu	09/09	100%	
3	Bà Lê Thúy Hằng	09/09	100%	
4	Ông Nguyễn Xuân Điền	09/09	100%	
5	Ông Nguyễn Tấn Lực	02/09	100%	07 lần Ủy quyền

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của Tổng giám đốc, thông qua các báo cáo, các cuộc họp hàng tháng, sơ kết Quý, nhằm đảm bảo phương hướng, mục tiêu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông được triển khai thực hiện. Hoạt động công ty ổn định, các chỉ tiêu tài chính năm 2020 đều vượt so với kế hoạch 2020 đã đề ra.



CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	06/01/2020	<p>Thông qua các nội dung tờ trình số 253/TTr-STP ngày 26/12/2019 về việc đề nghị điều chỉnh Bảng lương cơ bản theo mức lương tối thiểu vùng năm 2020.</p> <p>Thông qua các nội dung tờ trình số 258/TTr-STP ngày 31/12/2019 về việc ký kết hợp đồng với người có liên quan.</p> <p>Thông qua các nội dung báo cáo số 11/BC-STP ngày 10/01/2020 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng năm 2020.</p> <p>Thông qua các nội dung báo cáo tài chính năm 2019 ngày 10/01/2020.</p> <p>Thông qua các nội dung tờ trình số 25/TTr-STP ngày 06/02/2020 của Ban điều hành Công ty về việc lựa chọn đơn vị cung cấp phần mềm quản lý xe ra vào bến.</p>
2	03/NQ-HĐQT	10/02/2020	<p>Thông qua Tờ trình số 28/TTr-STP ngày 07/02/2020 của Ban điều hành Công ty về việc chốt ngày đăng ký cuối cùng và tỉ lệ chi tạm ứng cổ tức năm 2019.</p> <p>Thông qua các nội dung tờ trình số 29/TTr-STP ngày 07/02/2020 của Ban điều hành Công ty về việc thông qua chủ trương chuyển đổi công năng tầng lầu nhà ga Phương Trang.</p> <p>Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc thay đổi Thư ký Hội đồng quản trị Công ty.</p> <p>Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 từ 10 – 15/04/2020, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 26/03/2020.</p>

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
4	05/QĐ-HĐQT	14/04/2020	Quyết định về việc Nghỉ hưu hưởng chế độ BHXH Bà Bồ Kim Thu Nga. Thông qua các nội dung Báo cáo số 168/BC-STP ngày 21/04/2020 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh quý 01/2020 và phương hướng nhiệm vụ 09 tháng cuối năm 2020. Thông qua các nội dung báo cáo tài chính Quý 01/2020 ngày 20/04/2020.
5	06/NQ-HĐQT	23/04/2020	Thông nhất giao ban điều hành Công ty xem xét tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty trong tháng 4 nhằm hỗ trợ, chia sẻ khó khăn cho các Đơn vị Vận tải, các Đơn vị kinh doanh dịch vụ do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đến trước ngày 30/06/2020.
6	07/NQ-HĐQT	13/05/2020	Thông qua việc bổ nhiệm Ông Trần Đông Hạ giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn kể từ ngày 01/05/2020 thay thế Bà Bồ Kim Thu Nga (nghỉ hưu theo chế độ). Thời hạn bổ nhiệm: 06 tháng.
7	08/QĐ-HĐQT	13/05/2020	Quyết định về việc bổ nhiệm kế toán trưởng Công ty.
8	09/QĐ-HĐQT	13/05/2020	Quyết định về việc xếp lương chức danh cán bộ được bổ nhiệm Trần Đông Hạ.

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			Thông qua các nội dung Báo cáo số 245/BC-STP ngày 09/6/2020 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020. Thông qua các nội dung Báo cáo số 246/BC-STP ngày 09/6/2020 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2019 và kế hoạch năm 2020. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Thông qua Tờ trình 247/TTr-STP ngày 09/06/2020 của Ban điều hành Công ty về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2019.
9	11/NQ-HĐQT	10/06/2020	Thông qua Tờ trình 248/TTr-STP ngày 09/06/2020 của Ban điều hành Công ty về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2020. Thông nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 249/TTr-STP ngày 09/06/2020 của Ban điều hành Công ty về Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019, tổng quỹ lương, thù lao thành viên HĐQT, Ban KS, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2020 và một số vấn đề khác. Thông qua các nội dung Tờ trình số 250/TTr-STP ngày 09/06/2020 của Ban điều hành Công ty về Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty. Thông nhất trình các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tổ chức vào ngày 22/06/2020 nhằm thông qua các nội dung
			Thông qua các nội dung Báo cáo số 326/BC-STP ngày 21/07/2020 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2020. Thông qua các nội dung Báo cáo tài chính Quý 02/2020 ngày 14/07/2020.
10	21/NQ-HĐQT	22/07/2020	Thông qua các nội dung Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2020 ngày 14/7/2020. Thông nhất Tờ trình số 327/TTr-STP ngày 21/07/2020 của Ban điều hành Công ty về việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020. Theo đó, Hội đồng quản trị thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2020.

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			Thông qua các nội dung Báo cáo số 404/BC-STP ngày 19/10/2020 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2020. Thông qua các nội dung Tờ trình số 405/TTr-STP ngày 19/10/2020 của Ban điều hành Công ty về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 .
11	23/NQ-HĐQT	21/10/2020	Thông qua các nội dung Tờ trình số 403/TTr-STP ngày 19/10/2020 của Ban điều hành Công ty thống nhất không tiếp tục bổ nhiệm Ông Trần Đông Hạ giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty. Thông qua các nội dung Tờ trình số 407/TTr-STP ngày 20/10/2020 của Ban điều hành Công ty về việc tổ chức tuyển dụng nhân sự Kế toán trưởng theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan, trình Hội đồng quản trị xem xét.
12	24/QĐ-HĐQT	21/10/2020	Quyết định không bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty.
13	25/NQ-HĐQT	04/11/2020	Thông qua tờ trình số 411/TTr-STP ngày 28/10/2020 của Ban điều hành Công ty về việc tuyển dụng Bà Bùi Thanh Tâm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn thay thế Ông Trần Đông Hạ kể từ ngày 05/11/2020. Thời hạn giữ chức vụ: 06 tháng.
14	26/QĐ-HĐQT	10/11/2020	Quyết định về việc xếp lương chức danh cho CBCNV Bùi Thanh Tâm.
15	27/NQ-HĐQT	19/11/2020	Thông qua Tờ trình số 423/TTr-STP ngày 16/11/2020 của Ban điều hành Công ty về việc trình Đại hội đồng Cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nhằm thông qua việc điều chỉnh tỷ lệ chia cổ tức năm 2019.
16	30/NĐ-HĐQT	09/12/2020	Thông qua các nội dung Tờ trình số 438/TTr-STP ngày 04/12/2020 của Ban điều hành Công ty về việc lập đề xuất dự án Mở rộng Bến xe An Sương. Thông qua các nội dung Báo cáo tài chính Quý 3/2020 ngày 15/11/2020. Thông qua các nội dung Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2020 ngày 15/11/2020.
17	32/NĐ-HĐQT	18/12/2020	Thông qua nội dung tờ trình số 451/TTr-STP ngày 15/12/2020 của Ban điều hành Công ty về việc chi tạm ứng cổ tức năm 2020.

BAN KIỂM SOÁT

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Lê Thị Thanh Thuận	Trưởng Ban KS	24/04/2018	Cử nhân Luật, QTKD
2	Nguyễn Thị Bạch Huệ	Thành viên Ban KS	24/04/2018	Cử nhân Kế toán
3	Võ Văn Đức	Thành viên Ban KS	29/12/2016	Cử nhân QTKD

Bà Lê Thị Thanh Thuận

Ngày sinh	17/07/1982
Nơi Sinh	Thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	876/45 Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân QTKD, Cử nhân Luật, Chứng chỉ CEO, Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng

Thời gian	Chức vụ
01/2014 - 11/2014	Kiểm soát viên đại diện vốn Nhà nước, Quyền Trưởng phòng Tổ chức Hành chính CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
12/2014 - 03/2016	Kiểm soát viên đại diện vốn Nhà nước, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
03/2016 - 04/2018	Giám đốc Bến xe Ngã Tư Ga, Quyền Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn
04/2018 - nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại Công ty Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có

Số cổ phần nắm giữ hiện nay 9.661 cổ phiếu, chiếm 0,19% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan Không có

Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ

Ngày sinh 18/10/1982
Nơi Sinh Thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 46/B3 Tổ 46 KP 10, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa 12/12
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kế toán

Thời gian	Chức vụ
08/2004 - 04/2014	Nhân viên Kế toán Văn phòng Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV
05/2014 - Nay	Trưởng phòng TCKT - Xí nghiệp Công nghiệp và Dịch vụ Ô tô (ISAMCO)
04/2011 - 04/2018	Trưởng ban kiểm soát CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn
04/2018 - nay	Kiểm soát viên CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại Công ty Kiểm soát viên CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Nhân viên Kế toán Văn phòng Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV

Số cổ phần nắm giữ hiện nay Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan Không có

ÔNG VÕ VĂN ĐỨC

Ngày sinh 05/10/1972
Nơi Sinh Thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 359/1/9E Lê Văn Sỹ, Phường 13, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa 12/12
Trình độ chuyên môn Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Thời gian	Chức vụ
12/1991- Nay	Giám định viên -Trưởng trạm CTCP FCC
29/12/2016 - Nay	Kiểm soát viên CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại Công ty Kiểm soát viên CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Trưởng trạm TPHCM - Phòng AP - CTCP FCC

Số cổ phần nắm giữ hiện nay Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan Không có

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

ĐVT: đồng

Họ và tên	Thù lao	Lương, thưởng	Ghi chú
Hội đồng quản trị			
Ông Ngô Quang Trung	82.853.292	8.872.000	
Ông Nguyễn Xuân Điền	56.300.000	4.705.000	
Ông Trần Hiếu	60.000.000	6.802.000	
Bà Lê Thúy Hằng	60.000.000	260.776.200	
Ông Nguyễn Tấn Lực	56.300.000	4.705.000	
Ban kiểm soát			
Bà Lê Thị Thanh Thuận		430.524.129	
Ông Võ Văn Đức	45.600.000	5.170.000	
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	45.600.000	5.170.000	
Ban điều hành			
Ông Trần Hiếu		546.452.099	
Bà Bùi Thanh Tâm		61.238.024	

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Trên cơ sở Quy chế làm việc của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát đã nghiêm chỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để kịp thời tham gia đóng góp ý kiến cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành Công ty.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Ban kiểm soát đã thực hiện việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban thực hiện kiểm tra giám sát từng lĩnh vực hoạt động của công ty, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban kiểm soát để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của mình.

Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra, giám sát với những nội dung chủ yếu liên quan đến công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, việc chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Xem xét sổ sách kế toán, các tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thẩm tra báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm 2020. Số thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp là 3/3 người. Sau mỗi cuộc kiểm soát đều có biên bản làm việc ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và đề xuất các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Không có.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Tên viết tắt: TPS

Địa chỉ trụ sở chính: 720, Quốc lộ 1A, khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

Điện thoại: 028 37161333

Fax: 028 37160891

Website: stp@benbaivantaisaigon.com.vn

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn, mã chứng khoán: TPS xin công bố với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/3/2021 tại đường dẫn <http://benbaivantaisaigon.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố./.

TPHCM, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Đại diện doanh nghiệp

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Hiếu

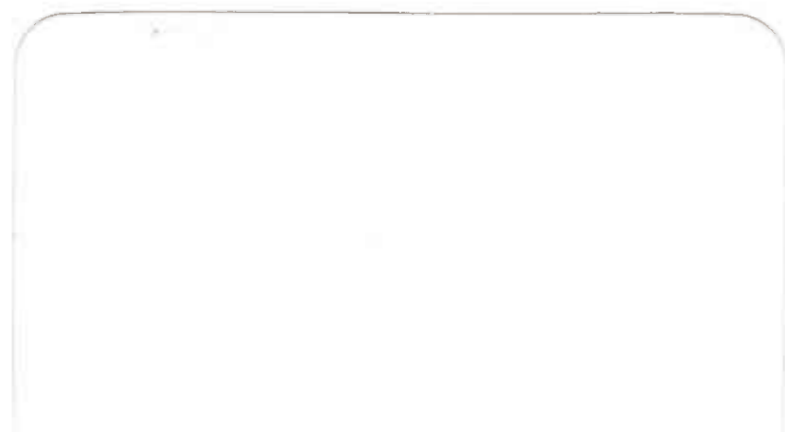


Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 26

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND
(Năm mươi tỷ đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/ cổ phần
Tổng số cổ phần: 5.000.000 cổ phần
Mã chứng khoán: TPS
Sàn giao dịch: UpCOM

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 37 161 333
- Fax : (84-28) 37 160 891

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty có các chi nhánh:

Chi nhánh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	Địa chỉ
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe; tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến; tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo hợp đồng kinh tế;
- Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng Hợp đồng kinh tế;
- Kinh doanh kho chứa hàng hóa; và
- Môi giới vận chuyển hàng hóa, giáo dục dạy nghề.

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Quang Trung	Chủ tịch	28/03/2019
Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên	22/04/2019
Ông Nguyễn Xuân Điền	Thành viên	22/04/2019
Ông Trần Hiếu	Thành viên/ Tổng Giám đốc	28/04/2016
Bà Lê Thúy Hằng	Thành viên	27/04/2011

Ban kiểm soát

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Lê Thị Thanh Thuận	Trưởng ban	24/04/2018
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Thành viên	27/04/2011
Ông Võ Văn Đức	Thành viên	29/12/2016

Ban Giám đốc

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Hiếu	Tổng Giám đốc	01/03/2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Hiếu	Tổng Giám đốc	01/03/2019

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGÔ QUANG TRUNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2021



Số: 206/2021/BCKT-HCM.00348

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BUI TUYẾT VÂN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2021

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4128-2017-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		57.727.249.208	70.007.343.308
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	34.897.692.954	39.242.541.184
Tiền	111		607.692.954	6.042.541.184
Các khoản tương đương tiền	112		34.290.000.000	33.200.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	23.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	20.000.000.000	23.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.456.598.059	7.264.802.124
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.453.585.580	416.294.910
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	489.314.260	5.822.519.380
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	513.698.219	1.025.987.834
Hàng tồn kho	140		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		372.958.195	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	332.324.239	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	40.633.956	-
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.861.241.241	21.023.242.561
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		9.875.042.485	9.759.950.186
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	3.250.934.679	3.040.968.933
Nguyên giá	222		27.681.838.090	26.274.499.454
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.430.903.411)	(23.233.530.521)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	6.624.107.806	6.718.981.253
Nguyên giá	228		9.805.055.394	9.641.419.030
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.180.947.588)	(2.922.437.777)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		28.177.917.060	10.401.257.780
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	28.177.917.060	10.401.257.780
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		808.281.696	862.034.595
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	808.281.696	862.034.595
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		96.588.490.449	91.030.585.869

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		26.540.478.746	15.174.411.017
Nợ ngắn hạn	310		26.540.478.746	15.174.411.017
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.795.429.692	497.546.219
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.983.000	17.890.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.324.382.823	1.365.327.291
Phải trả người lao động	314		2.831.901.906	4.428.426.983
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		58.900.000	76.600.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.061.456	13.017.455
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	12.820.019.993	2.940.071.543
Quý khen thưởng và phúc lợi	322	5.13	6.691.799.876	5.835.531.526
Nợ dài hạn	330		-	-
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.048.011.703	75.856.174.852
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	70.048.011.703	75.856.174.852
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(127.180.000)	(127.180.000)
Quý đầu tư phát triển	418		8.101.580.801	7.212.622.144
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.073.610.902	18.770.732.708
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.193.364.051	991.559.575
LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.880.246.851	17.779.173.133
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		96.588.490.449	91.030.585.869


LÊ THỊ MINH NGUYỆT
Người lập biểu


BÙI THANH TÂM
Kế toán trưởng


TRẦN HIẾU
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh ngày 02 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		39.741.836.938	43.589.049.856
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	39.741.836.938	43.589.049.856
Giá vốn hàng bán	11	6.2	18.260.074.491	18.726.065.245
Lợi nhuận gộp	20		21.481.762.447	24.862.984.611
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.318.335.053	3.889.722.029
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	5.719.007.625	6.146.759.908
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		18.081.089.875	22.605.946.732
Thu nhập khác	31	6.5	40.187.715	79.086.618
Chi phí khác	32	6.6	177.057.297	290.553.402
Lợi nhuận khác	40		(136.869.582)	(211.466.784)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.944.220.293	22.394.479.948
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.11	2.563.973.442	4.615.306.815
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.380.246.851	17.779.173.133
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	2.419	2.818


LÊ THỊ MINH NGUYỆT
Người lập biểu


BÙI THANH TÂM
Kế toán trưởng


TRẦN HIẾU
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh ngày 02 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	17.944.220.293	22.394.479.948
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	02	1.455.882.701	1.457.804.425
	05	(2.318.335.053)	(3.698.384.389)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	17.081.767.941	20.153.899.984
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	4.295.914.450	(5.414.392.060)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(6.242.744.982)	5.150.858.418
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(278.571.340)	(624.125.733)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.303.941.773)	(4.624.341.418)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	12.530.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.844.671.650)	(1.789.463.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.720.282.646	12.852.435.790
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.395.755.544)	(13.617.519.329)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	23.636.364
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.000.000.000)	(67.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	20.500.000.000	115.400.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.830.624.668	4.846.993.047
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.065.130.876)	39.453.110.082
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.000.000.000)	(20.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.000.000.000)	(20.000.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	39.242.541.184	6.936.995.312
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	34.897.692.954	39.242.541.184


LÊ THỊ MINH NGUYỆT
Người lập biểu


BÙI THANH TÂM
Kế toán trưởng


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
TRẦN HIẾU
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 02 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe; tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến; tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo hợp đồng kinh tế;
- Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng Hợp đồng kinh tế;
- Kinh doanh kho chứa hàng hóa; và
- Môi giới vận chuyển hàng hóa, giáo dục dạy nghề.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	Địa chỉ
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/09/2016	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/09/2016	Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 106 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 106 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa bến xe đã phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí duy tu sửa chữa mặt bãi bến xe và các chi phí khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 15 tháng đến 36 tháng.

4.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Tài sản cố định khác	05 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí giải tỏa mặt bằng

Chi phí giải tỏa mặt bằng bến xe Ngã tư Ga được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 45 năm.

Phần mềm kế toán

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Theo Điều 2 Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác, doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng thì được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.

4.15 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt – VND	226.882.218	291.556.920
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	380.810.736	5.750.984.264
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng – VND	34.290.000.000	33.200.000.000
	34.897.692.954	39.242.541.184

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng – VND		
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hóc Môn	10.000.000.000	16.500.000.000
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh 3	10.000.000.000	3.000.000.000
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hiệp Phước	-	2.500.000.000
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Tân Bình	-	1.500.000.000
	20.000.000.000	23.500.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	25.544.520	15.162.170
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	50.610.000	-
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghiệp Hoàng Gia	974.602.700	102.117.500
Các khách hàng khác	402.828.360	299.015.240
	1.453.585.580	416.294.910

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Trả trước của các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Lục Giác	-	5.223.626.000
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Giao thông Mê Kông	168.960.000	230.880.000
Công ty cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Thiên Lộc	89.843.100	-
Công ty cổ phần An Sơn	90.900.000	-
Công ty cổ phần Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Sơn Phát	50.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	89.611.160	368.013.380
	489.314.260	5.822.519.380

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2020 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2020 Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Lãi dự thu – tiền gửi có kỳ hạn	392.351.423	-	904.641.038	-
Phải thu về cổ phần hóa	116.346.796	-	116.346.796	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
	513.698.219	-	1.025.987.834	-

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	144.021.213	-
Chi phí sửa chữa	188.303.026	-
	332.324.239	-

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí duy tu, sửa chữa mặt bãi bến xe An Sương	240.828.273	481.656.561
Chi phí khác	567.453.423	380.378.034
	808.281.696	862.034.595

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>						
Tại ngày 01/01/2020	23.433.013.295	518.458.150	1.052.181.821	419.909.858	850.936.330	26.274.499.454
Tăng từ mua sắm	-	-	-	-	61.400.000	61.400.000
Tăng từ xây dựng cơ bản	445.023.636	-	-	900.915.000	-	1.345.938.636
Tại ngày 31/12/2020	23.878.036.931	518.458.150	1.052.181.821	1.320.824.858	912.336.330	27.681.838.090
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Tại ngày 01/01/2020	21.250.786.149	508.869.385	1.052.181.821	248.226.564	173.466.602	23.233.530.521
Khấu hao trong năm	927.220.924	9.588.765	-	85.225.885	175.337.316	1.197.372.890
Tại ngày 31/12/2020	22.178.007.073	518.458.150	1.052.181.821	333.452.449	348.803.918	24.430.903.411
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01/2020	2.182.227.146	9.588.765	-	171.683.294	677.469.728	3.040.968.933
Tại ngày 31/12/2020	1.700.029.858	-	-	987.372.409	563.532.412	3.250.934.679

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2020	17.748.035.534	437.912.695	1.052.181.821	181.471.091	-	19.419.601.141
Tại ngày 31/12/2020	19.340.955.930	518.458.150	1.052.181.821	181.471.091	-	21.093.066.992

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>			
Tại ngày 01/01/2020	9.440.419.030	201.000.000	9.641.419.030
Tăng từ xây dựng cơ bản	-	163.636.364	163.636.364
Tại ngày 31/12/2020	9.440.419.030	364.636.364	9.805.055.394
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Tại ngày 01/01/2020	2.811.887.777	110.550.000	2.922.437.777
Khấu hao trong năm	209.787.084	48.722.727	258.509.811
Tại ngày 31/12/2020	3.021.674.861	159.272.727	3.180.947.588
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2020	6.628.531.253	90.450.000	6.718.981.253
Tại ngày 31/12/2020	6.418.744.169	205.363.637	6.624.107.806

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2020 VND	Phát sinh tăng VND	Kết chuyển sang TSCĐ VND	31/12/2020 VND
Dự án cải tạo nâng cấp bến xe An Sương	1.894.436.980	-	-	1.894.436.980
Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1) (*)	8.471.820.800	17.407.185.780	-	25.879.006.580
Dự án khác	35.000.000	1.879.048.500	(1.509.575.000)	404.473.500
	10.401.257.780	19.286.234.280	(1.509.575.000)	28.177.917.060

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá trị	31/12/2020	Giá trị	01/01/2020
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Lục Giác	2.591.090.000	2.591.090.000	390.707.227	390.707.227
Các nhà cung cấp khác	204.339.692	204.339.692	106.838.992	106.838.992
Cộng	2.795.429.692	2.795.429.692	497.546.219	497.546.219

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm		31/12/2020
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	314.839.935	1.641.310.237	(940.089.424)	-	1.016.060.748
Thuế thu nhập doanh nghiệp	978.808.066	2.563.973.442	(3.303.941.773)	-	238.839.735
Thuế thu nhập cá nhân	71.679.290	245.881.620	(248.078.570)	-	69.482.340
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	172.673.252	(213.307.208)	40.633.956	-
Các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	1.365.327.291	4.628.838.551	(4.710.416.975)	40.633.956	1.324.382.823

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế suất cho dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty nộp thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 20%.

Chi phí thuế TNDN hiện hành được dự tính như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.944.220.293	22.394.479.948
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Chi phí không được trừ	369.875.731	501.781.738
Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	(411.295.266)
Thu nhập tính thuế	18.314.096.024	22.484.966.420
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	3.662.819.203	4.496.993.286
Thuế TNDN của các năm trước	-	118.313.529
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	(1.098.845.761)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.563.973.442	4.615.306.815

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV – cổ tức phải trả	5.355.000.000	-
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn		
• Xi nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	2.000.000	2.000.000
• Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	78.096.000	80.673.750
• Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	64.720.000	15.600.000
Phải trả các đối tượng khác khác		
Cổ tức phải trả	5.145.000.000	-
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	2.166.083.993	2.202.677.793
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.120.000	639.120.000
Cộng	12.820.019.993	2.940.071.543

5.13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND	Quỹ thưởng ban điều hành VND	Cộng VND
Số dư đầu năm (01/01/2020)	5.762.742.526	72.789.000	5.835.531.526
Trích quỹ	3.507.150.000	181.260.000	3.688.410.000
Tăng bằng tiền	12.530.000	-	12.530.000
Chi bằng tiền	(2.681.537.650)	(163.134.000)	(2.844.671.650)
Số dư cuối năm (31/12/2020)	6.600.884.876	90.915.000	6.691.799.876

5.14 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	50.000.000.000	(127.180.000)	6.195.583.479	5.797.983.240	61.866.386.719
Lãi trong năm	-	-	-	17.779.173.133	17.779.173.133
Trích lập các quỹ	-	-	1.017.038.665	(4.806.423.665)	(3.789.385.000)
Tại ngày 31/12/2019	50.000.000.000	(127.180.000)	7.212.622.144	18.770.732.708	75.856.174.852
Tại ngày 01/01/2020	50.000.000.000	(127.180.000)	7.212.622.144	18.770.732.708	75.856.174.852
Lãi trong năm	-	-	-	15.380.246.851	15.380.246.851
Trích lập các quỹ	-	-	888.958.657	(4.577.368.657)	(3.688.410.000)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2020	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	50.000.000.000	(127.180.000)	8.101.580.801	12.073.610.902	70.048.011.703

5.14.2 Chi tiết vốn góp bởi các cổ đông

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ:	50.000.000.000 VND
Tổng số cổ phần:	5.000.000 cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND/cổ phần

Chi tiết vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vạn tài Sài Gòn - TNHH MTV	2.550.000	51,00
Ngô Quang Hiến	937.500	18,75
Ngô Quang Trung	266.974	5,34
Nguyễn Hương Giang	250.000	5,00
Phan Kim Mỹ	250.000	5,00
148 cổ đông khác	745.526	14,91
	5.000.000	100,00

5.14.3 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/CP.

5.14.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 số 33/NQ-ĐHĐCĐBT.2020 ngày 25 tháng 12 năm 2020, chi tiết như sau:

	VND
• Chia cổ tức (tỷ lệ 20% vốn điều lệ)	10.000.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	888.958.657
• Trích quỹ khen thưởng	876.787.500
• Trích quỹ phúc lợi	2.630.362.500
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	181.260.000
• Lợi nhuận còn lại sau phân phối	4.193.364.051
	18.770.732.708

5.14.5 Tạm ứng cổ tức

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 32/HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ chi tạm ứng cổ tức năm 2020 là 15% vốn điều lệ, tương đương 7.500.000.000 VND.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.741.836.938	43.589.049.856
	39.741.836.938	43.589.049.856

6.2 Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn hàng bán	18.260.074.491	18.726.065.245
	18.260.074.491	18.726.065.245

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.318.335.053	3.889.722.029
	2.318.335.053	3.889.722.029

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	4.314.214.268	4.560.046.681
Chi phí khác	1.404.793.357	1.586.713.227
	5.719.007.625	6.146.759.908

6.5 Thu nhập khác

	2020 VND	2019 VND
Thu bán công cụ dụng cụ, phế liệu	9.454.545	18.153.181
Thu tiền nước	26.482.170	30.855.890
Thu khác	4.251.000	30.077.547
	40.187.715	79.086.618

6.6 Chi phí khác

	2020 VND	2019 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	191.337.640
Thu nhập khác	177.057.297	99.215.762
	177.057.297	290.553.402

6.7 Lãi trên cổ phiếu

6.7.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.380.246.851	17.779.173.133
Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(3.283.427.500)	(3.688.410.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.096.819.351	14.090.763.133
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.419	2.818

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	2020 VND	2019 VND
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000

6.7.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân công	17.652.614.435	18.720.096.179
Chi phí công cụ, dụng cụ	505.552.990	525.058.284
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.455.882.701	1.457.804.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.527.787.319	2.489.578.317
Chi phí khác	1.837.244.671	1.680.287.948
	23.979.082.116	24.872.825.153

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Công ty đã ghi nhận khoản lãi dự thu cho các hợp đồng tiền gửi và cho vay:

	2020 VND	2019 VND
Lãi dự thu	392.351.423	904.641.038

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Phải trả người bán	2.795.429.692	-	2.795.429.692
Phải trả khác và chi phí phải trả	12.878.919.993	-	12.878.919.993
	15.674.349.685	-	15.674.349.685
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Phải trả người bán	497.546.219	-	497.546.219
Phải trả khác và chi phí phải trả	3.016.671.543	-	3.016.671.543
	3.514.217.762	-	3.514.217.762

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu của khách hàng</i>	1.453.585.580	416.294.910	1.453.585.580	416.294.910
<i>Phải thu khác</i>	397.351.423	909.641.038	397.351.423	909.641.038
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	20.000.000.000	23.500.000.000	20.000.000.000	23.500.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	34.897.692.954	39.242.541.184	34.897.692.954	39.242.541.184
Tổng cộng	56.748.629.957	64.068.477.132	56.748.629.957	64.068.477.132
Nợ phải trả tài chính				
<i>Phải trả người bán</i>	2.795.429.692	497.546.219	2.795.429.692	497.546.219
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	12.878.919.993	3.016.671.543	12.878.919.993	3.016.671.543
Tổng cộng	15.674.349.685	3.514.217.762	15.674.349.685	3.514.217.762

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập Ban Giám đốc Công ty	455.884.120	677.907.000
Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	415.200.000	400.750.000
Thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	163.134.000	188.446.000
	1.034.218.120	1.267.103.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2020 VND	2019 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Cổ tức	8.925.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	11.409.090	11.272.727
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	372.081.714	442.038.125
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Cung cấp dịch vụ	380.003.283	228.830.146

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Cổ tức phải trả	(5.355.000.000)	-
	Nhận ký quỹ ngắn hạn	(2.000.000)	(2.000.000)
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Nhận ký quỹ ngắn hạn	(78.096.000)	(80.673.750)
	Phải thu thương mại	50.610.000	-
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Nhận ký quỹ ngắn hạn	(64.720.000)	(15.600.000)
	Phải thu thương mại	25.544.520	15.162.170

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ lưu đàu, các dịch vụ hỗ trợ và trong một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh.

9.3 Tình hình sử dụng vốn thực hiện dự án “Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương” (giai đoạn 1)

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng quản trị và Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ, toàn bộ số vốn thu được từ đợt phát hành là 34.000.000.000 VND sẽ được sử dụng để bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh để thực hiện Dự án “Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương”.

+ Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020:

STT	Nội dung	Số tiền VND
1	Tư vấn thiết kế PCCC	75.900.000
2	Tư vấn lập kế hoạch bảo vệ môi trường	22.000.000
3	Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	143.000.000
4	Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	27.000.000
5	Phí thẩm định Thiết kế cơ sở	2.948.000
6	Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	672.881.000
7	Tư vấn quản lý dự án	478.160.000
8	Tư vấn đấu thầu	198.098.000
9	Tư vấn khảo sát địa chất	115.665.000
10	Tư vấn khảo sát địa chất bước thiết kế bản vẽ thi công dự án	6.600.000
11	Tư vấn giám sát thi công	486.323.488
12	Tư vấn thẩm tra TKBVTC và dự toán	118.615.000
13	Phí thẩm tra thiết kế và dự toán	12.954.000
14	Chi phí thi công	23.319.810.000
15	Phí bảo hiểm công trình	56.753.950
16	Photo, scan hồ sơ	44.584.100
17	Đăng báo đấu thầu	2.310.000
	Tổng cộng	25.783.602.538
		VND
	Tổng chi cho dự án đến ngày báo cáo này:	25.783.602.538
	Số tiền chưa sử dụng:	8.216.397.462
	Tổng cộng:	34.000.000.000

Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang đến 31/12/2020: **25.879.006.580**

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.





LÊ THỊ MINH NGUYỆT
Người lập biểu

BÙI THANH TÂM
Kế toán trưởng


TRẦN HIẾU
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2021

Hồ Chí Minh City Head Office
2/F Indochina Park Tower,
No. 4 Nguyen Dinh Chieu St.,
Dakao Ward, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : +84 28 222 00237
Fax : +84 28 222 00265
Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn

Can Tho Branch
A1 - 28 Street 6, Cong An Residence,
Thanh Loi Area, Phu Thu Ward,
Cai Rang District,
Can Tho City, Vietnam
Tel : +84 292 3827 888
Fax : +84 292 3823 209
Email: pkf.afcct@pkf.afcvietnam.vn

Northern Branch
Room 709, Sunrise Building,
No. 90 Tran Thai Tong St.,
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Dist.,
Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 243 2002 016
Fax : +84 243 7950 832
Email: pkf.afcmb@pkf.afcvietnam.vn

Ha Thanh Branch
12B/F, Hancorp Plaza,
No. 72 Tran Dang Ninh St.,
Dich Vong Ward, Cau Giay Dist.,
Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 243 8373 666
Fax : +84 243 2191 538
Email: pkf.afcht@pkf.afcvietnam.vn



TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Trần Hiếu